

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**



**VŨ THỊ QUỲNH**

**PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM:  
NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ VẤN ĐỀ LĨNH HỘI  
MỘT SỐ GIÁ TRỊ PHÁP LUẬT TRUYỀN THỐNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI, 2012**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**



**VŨ THỊ QUỲNH**

**PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM:  
NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ VẤN ĐỀ LĨNH HỘI  
MỘT SỐ GIÁ TRỊ PHÁP LUẬT TRUYỀN THỐNG**

*Chuyên ngành: Luật hình sự*

*Mã số: 60.38.40*

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học: TSKH.GS. Lê Văn Cẩm*

**HÀ NỘI, 2012**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	9
<b>2. Phạm vi nghiên cứu</b> .....	11
<b>3. Nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	11
<b>4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu</b> .....	12
<b>5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn</b> .....	12
<b>6. Bố cục của luận văn</b> .....	13
<b>CHƯƠNG 1. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XV</b> .....	14
1.1. Pháp luật hình sự d-ới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê (tr-ớc thế kỷ XI) .....	14
1.1.1. Thực trạng pháp luật .....	15
1.1.2. Hình thức pháp luật.....	17
1.1.3. Việc áp dụng pháp luật hình sự của đế chế Trung Hoa phong kiến ở Việt Nam thời kỳ này. ....	17
1.2. Pháp luật hình sự d-ới triều Lý (1009 - 1225).....	18
1.2.1. Về giá trị của pháp luật hình sự.....	18
1.2.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự.....	19
1.2.3. Những quy định chủ yếu trong pháp luật hình sự d-ới triều Lý.....	22
1.2.4. Sự lĩnh hội pháp luật hình sự Trung Hoa phong kiến.....	25
1.3. Pháp luật hình sự d-ới triều Trần (1225- 1400).....	26
1.3.1. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự.....	27
1.3.2. Những quy định chủ yếu của pháp luật hình sự d-ới triều Trần.....	28
1.4. Pháp luật hình sự d-ới triều Hồ.....	31
<b>CHƯƠNG 2. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XIX</b> .....	35

2.1. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam d- ới triều Hậu Lê (1428-1788) .....	35
2.1.1. Về hệ thống các văn bản pháp luật hình sự .....	37
2.1.2. Những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự d- ới triều Hậu Lê .....	40
2.2. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam d- ới triều Nguyễn từ 1802-1884 .....	55
2.2.1. Về hiệu lực của Đạo luật hình sự .....	57
2.2.2. Các nguyên tắc của pháp luật hình sự .....	57
2.2.3. Vấn đề trách nhiệm hình sự .....	59
2.2.4. Về tội phạm .....	60
2.2.5. Hệ thống hình phạt .....	62
2.2.6. Vấn đề quyết định hình phạt .....	64
<b>CHƯƠNG 3. VẤN ĐỀ LĨNH HỘI NHỮNG GIÁ TRỊ PHÁP LUẬT TRUYỀN THỐNG NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM</b>	
<b>ĐƯƠNG ĐẠI</b> .....	66
3.1. Sự cần thiết của việc lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống trong hoạt động lập pháp hình sự đương đại .....	66
3.1.1. Đối với hoạt động lập pháp nói chung.....	66
3.1.2. Đối với pháp luật hình sự .....	67
3.2. Một số giá trị pháp luật truyền thống cần đ- ợc lĩnh hội để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt nam đương đại.....	69
3.2.1. Tinh thần nhân đạo.....	69
3.2.2. Sự công minh.....	77
3.2.3. Bảo vệ các chuẩn mực đạo đức đ- ợc thừa nhận chung của Ph- ơng Đông.....	81
<b>PHẦN KẾT LUẬN</b> .....	85
<b>DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	87

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

QTHL	Quốc triều hình luật
HVLL	Hoàng Việt luật lệ
BLHS	Bộ luật hình sự

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

“Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự” là một trong những nhiệm vụ hàng đầu mà Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị đã đề ra trong chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Thực hiện nhiệm vụ này, trong thời gian tới chúng ta cần có những nghiên cứu, phân tích, đánh giá để lựa chọn những giá trị pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự. Trong đó, việc nghiên cứu những đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, trên cơ sở đó phân tích những giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Chế độ phong kiến Việt Nam kéo dài suốt mười thế kỷ (từ thế kỷ X đến thế kỷ XIX) mở đầu bằng sự kiện Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng lên ngôi vua năm 939, lập ra nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập đầu tiên, chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hàng nghìn năm (từ năm 207 TCN - 939) ở nước ta và kết thúc chế độ phong kiến Việt Nam bằng sự kiện Nhà Nguyễn ký hiệp ước khẳng định sự thống trị của Pháp trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam (6/6/1884). Suốt một chiều dài lịch sử như vậy, trải qua các triều đại phong kiến Ngô (939 - 965), Đinh (968 - 980), Tiền Lê (980 - 1009), Lý (1010 - 1225), Trần (1225 - 1400), Hồ (1400 - 1407), Hậu Lê (1428 - 1788), Nguyễn (1802 - 1884), về mặt pháp luật hình sự có những sự kiện pháp lý mà cho đến nay giới luật học vẫn quan tâm nghiên cứu và trên cơ sở đó khẳng định những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại. Đến thời điểm hiện nay đã có một số nghiên cứu liên quan đến pháp luật Việt Nam thời kỳ phong kiến và vấn đề hoàn thiện pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật hình sự Việt Nam nói riêng trên cơ sở những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc trong thời kỳ này, điển hình như : 1. Cổ luật Việt Nam thông khảo của Vũ Văn Mẫu, Đại học Sài Gòn, 1970; 2. Một số văn bản pháp luật Việt Nam thế kỷ XV - XVIII, nhà

xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 1994; 3. Lịch sử luật hình sự Việt Nam, Tiến sĩ Trần Quang Tiệp, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2003; 4. Quốc triều hình luật - lịch sử hình thành, nội dung và giá trị, TS. Lê Thị Sơn, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà nội, 2004; 5. Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam - những suy ngẫm, Bùi Xuân Đính, 2005. Hoặc trong các giáo trình, sách chuyên khảo như: 1. Giáo trình luật hình sự Việt Nam( phần chung), TSKH.PGS Lê Văn Cẩm(chủ biên), Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội, 2001; 2. Giáo trình luật hình sự Việt Nam(tập 1), Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà nội, 2006 ; 4. Luật hình sự Việt Nam (quyển 1- Những vấn đề chung), Đào Trí Úc, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 2000.... Ngoài ra còn rất nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học của TSKH. PGS Lê Cẩm như : 1. Luật hình sự Việt Nam trước thế kỷ XV - Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 5/1999; 2. Luật hình sự Việt Nam thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIII - Tạp chí dân chủ và pháp luật số 8/1999; hoặc của một số tác giả khác như PGS.TS Hoàng Thị Kim Quế với tham luận “Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong bộ Quốc triều hình luật và những giá trị đương đại” tại hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật tại Thanh Hóa/2007; TS. Dương Tuyết Miên -Quyết định hình phạt trong Hoàng Việt luật lệ - Tạp chí Luật học số 11/2006 ...đề cập đến những vấn đề của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam.

Tuy nhiên tất cả các nghiên cứu trên đây của các tác giả mới ở dạng là các bài viết nhỏ hoặc một phần, một mục trong giáo trình, sách chuyên khảo hay sách tham khảo. Còn cho đến nay, trong khoa học luật hình sự Việt Nam chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập một cách tương đối sâu sắc, toàn diện các vấn đề về đặc điểm cơ bản nhất của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, trên cơ sở đó tìm ra những giá trị pháp lý truyền thống nhằm hoàn thiện luật hình sự Việt Nam đương đại.Việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn và có cái nhìn toàn diện hơn về pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong bối cảnh chúng ta đang thực hiện

công cuộc cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật là một vấn đề mang tính cấp thiết. Với lý do trên mà tôi đã quyết định lựa chọn đề tài : ***“Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam: những đặc điểm cơ bản và vấn đề lĩnh hội một số giá trị pháp luật truyền thống”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Phạm vi nghiên cứu**

Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam là một phạm trù rộng, phức tạp, có nhiều vấn đề liên quan đến nhiều lĩnh vực khác như : pháp luật phong kiến Việt Nam nói chung, nội dung các văn bản pháp luật phong kiến Việt Nam, các vấn đề chung của lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, những vấn đề pháp lý truyền thống của dân tộc Việt Nam, vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại trên cơ sở nghiên cứu những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc. Bởi vậy, trong phạm vi luận văn của mình, tôi đã nghiên cứu và giải quyết những vấn đề cơ bản sau:

1) Thực trạng pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử, rút ra những đặc điểm nổi bật.

2) Hệ thống hoá một số văn bản pháp luật hình sự phong kiến nổi bật, quan trọng, có ý nghĩa khoa học sâu sắc và nội dung các chế định luật hình sự cơ bản.

3) Trên cơ sở những nghiên cứu đó, phân tích, đánh giá những giá trị pháp luật hình sự truyền thống trong giai đoạn này có ý nghĩa thế nào đối với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, vận dụng trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

## **3. Nhiệm vụ nghiên cứu.**

Với phạm vi nghiên cứu nêu trên, trong luận văn này, tác giả tập trung vào giải quyết những nhiệm vụ sau:

1) Phân tích khoa học những đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự dưới các triều đại phong kiến.



2) Khái quát về sự hình thành, phát triển hệ thống các văn bản pháp luật hình sự phong kiến có chứa đựng các quy phạm pháp luật hình sự.

3) Nghiên cứu những chế định luật hình sự quan trọng trong các Bộ luật hình sự phong kiến tiêu biểu, từ đó đưa ra những đánh giá nhất định về ý nghĩa của nó trong giai đoạn lịch sử tương ứng.

4) Khẳng định và phân tích những giá trị pháp lý truyền thống và việc lĩnh hội chúng trong pháp luật hình sự Việt Nam đương đại nhằm hoàn thiện luật hình sự Việt Nam.

#### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được những mục đích đã đặt ra, trên cơ sở lý luận là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như : phương pháp so sánh, phân tích tài liệu, nghiên cứu lịch sử và phương pháp tổng hợp. Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài còn dựa trên những thành tựu của khoa học kỹ thuật hình sự, xã hội học pháp luật, lịch sử pháp luật trong các công trình của các nhà khoa học trong và ngoài nước.

#### **5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn**

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của luận văn ở chỗ tác giả đã phân tích làm rõ những đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam suốt một giai đoạn lịch sử kéo dài gần 10 thế kỷ và trên cơ sở đó, rút ra những giá trị pháp luật truyền thống có ý nghĩa quan trọng đối với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, đặc biệt trong giai đoạn tới khi chúng ta tiến hành công cuộc cải cách tư pháp mà vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

Ngoài ra, điểm mới của luận văn này, ở chừng mực nhất định có thể khẳng định đây là nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sỹ luật học đề cập riêng đến các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, đồng thời chỉ ra những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, trên cơ sở đó góp phần vào quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay. Do đó, nó có ý

nghĩa làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành tư pháp hình sự.

## **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Các đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

Chương 2: Các đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

Chương 3: Vấn đề lĩnh hội những giá trị pháp luật hình sự truyền thống trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại.

# CHƯƠNG 1

## CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XV

### **1.1. Pháp luật hình sự dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê (trước thế kỷ XI)**

Thời kỳ này bắt đầu từ năm 939 khi Ngô Quyền đánh bại quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng và xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa - đây là sự kiện đánh dấu việc ra đời nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập tự chủ đầu tiên, không những đã là thực tế mà còn được khẳng định cả trên danh nghĩa và pháp lý. Chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc kéo dài hơn một nghìn năm ở nước ta (từ năm 207TCN - 939). Triều Ngô bắt đầu từ Ngô Quyền, qua Ngô Xương Văn và Ngô Xương Xí, truyền được ba đời, kéo dài 26 năm.

Sau khi Ngô Quyền mất (năm 944), năm 945 Dương Tam Kha (em vợ Ngô Quyền, con của Dương Đình Nghệ) đã tiếm ngôi và xưng là Bình Vương, việc này đã dẫn đến tình trạng nổi loạn cát cứ của 12 lãnh chúa địa phương vào cuối thời nhà Ngô, nước ta rơi vào nạn mà sử sách gọi là loạn 12 sứ quân suốt hơn 20 năm (944 - 967). Sau đó, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp tan nạn cát cứ, thống nhất giang sơn về một mối, lên ngôi Hoàng đế, đặt Quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập lên Nhà Đinh, tồn tại 12 năm (968 - 980), trải qua 2 đời vua là Đinh Tiên Hoàng (968 - 979) và Đinh Phế Đế (979).

Nhà Tống bên Trung Quốc nghe tin Đinh Tiên Hoàng mất và Phế Đế còn nhỏ tuổi, muốn thừa cơ đem quân sang lấy nước ta. Vì sự nghiệp bảo vệ nền độc lập dân tộc và vì quyền lợi của giai cấp thống trị, Thái Hậu Dương Vân Nga cùng tướng sĩ và một số quan lại đã tôn Thập Đạo tướng quân Lê Hoàn lên làm vua (năm 980), vẫn đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Triều đại Tiền Lê tồn tại trong 29 năm (980

- 1009), trải qua 3 đời vua : Lê Đại Hành (980 - 1005), Lê Long Việt (1005) và Lê Long Đĩnh (1005 - 1009).

Do hoàn cảnh lịch sử trong giai đoạn này nên hoạt động lập pháp dưới các triều đại phong kiến Việt Nam đầu tiên này vẫn chưa được chú trọng và hiện có rất ít sử liệu còn ghi chép lại về pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng giai đoạn này, chủ yếu được biết đến rất ít qua Đại Việt sử ký toàn thư, còn phần Hình luật chí trong Lịch triều hiến chương loại chí lại không đề cập đến pháp luật thế kỷ X. Việc nghiên cứu sự hình thành của luật hình sự phong kiến Việt Nam trong giai đoạn này cho thấy *những đặc điểm cơ bản sau đây*:

### **1.1.1. Thực trạng pháp luật**

Dưới thời nhà Ngô, hiện không có nguồn tài liệu nào cho thấy về việc ban hành pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng mà trong Đại Việt sử ký toàn thư chỉ ghi nhận, năm 950, khi đem quân đi đánh thôn Đường, Ngô Xương Văn bảo với hai viên chỉ huy sứ Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc rằng “ Đức của tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phạm chính lệnh ban ra không ai không vui lòng nghe theo”(Theo Đại Việt sử ký toàn thư, ngoại ký toàn thư 5), điều này chỉ cho thấy dưới triều đại Nhà Ngô cũng đã bắt đầu có những quy định pháp luật nhưng nội dung, hình thức của “chính lệnh” như thế nào thì không được ghi nhận.

Dưới triều đại Nhà Đinh, theo các nguồn sử liệu còn lưu lại thì có thể nhận thấy rằng, việc quy định hành vi nào là tội phạm và áp dụng hình phạt nào tương ứng đều tùy ý của Vua hay các viên quan đứng đầu khu vực, chẳng hạn dưới triều Đinh “ Vua(chỉ Đinh Tiên Hoàng) muốn lấy uy thế để ngự trị thiên hạ mới đặt vạc dầu lớn ở sân triều, nuôi hổ dữ ở trong cũi, hạ lệnh rằng : người nào trái phép sẽ phải chịu tội bỏ vào vạc dầu nấu hay cho hổ ăn, mọi người sợ không dám trái”(Theo Trương Hữu Quýnh trong Đại cương lịch sử Việt Nam, T1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005). Sở dĩ thời kỳ này Đinh Tiên Hoàng áp dụng cách thức thi hành hình phạt khủng khiếp đối với người phạm tội nhằm đe dọa các lực lượng cát cứ vũ trang còn

tàn dư chống đối lại nhà Đinh, giữ vững sự ổn định đất nước và quyền lực tập trung của triều đình. Trong Việt Nam sử lược, Trần Trọng Kim cũng nhận định : “Hình luật uy nghiêm như thế thì cũng quá lắm, nhưng nhờ có những hình luật ấy thì dân trong nước mới dần dần được yên”. Tuy nhiên việc ban hành pháp luật dưới triều Đinh không được lịch sử đề cập tới, tương tự dưới triều Ngô.

Thời Tiền Lê, nhà vua thường tùy tiện xét xử, vua Lê Đại Hành vẫn giữ nguyên hình phạt và cách thức thi hành các hình phạt dưới triều Đinh. Đại Việt sử ký toàn thư ghi nhận: Theo sử nhà Tống là Tống Cao thì cách xử tội của vua Lê Đại Hành như sau: “ Tả hữu có lỗi nhỏ cũng giết đi hoặc đánh từ 100 đến 200 roi, bọn giúp việc ai hỏi có điều gì trái ý cũng đánh 30 hay 50 roi, truat làm tên gác cổng khi hét giận lại gọi về làm chức cũ”. Năm 1002, vua Lê “định luật lệnh”, tiếc rằng sách xưa không còn nên không có thông tin cụ thể. Thời vua Lê Long Đĩnh áp dụng những cách thức thi hành hình phạt tàn bạo hơn, Đại Việt sử ký toàn thư có đoạn viết “ Vua tính hiếu sát, phạm người bị hành hình, hoặc sai lấy cỏ gianh quấn vào người mà đốt để cho lửa cháy gần chết, hoặc sai kếp hát người nước Tống là Lâm Thủ Tâm lấy dao ngắn dao cùn xẻo từng mảnh để cho không được chết chóng, người ấy đau đớn kêu gào thì Thủ Tâm nói đùa rằng “nó không quen chịu chết”, Vua cả cười. Đi đánh dẹp bắt được tù thì giải đến bờ sông, khi nước triều rút, sai người làm lao dưới nước, dồn cả vào trong ấy, đến khi nước triều lên, ngập nước mà chết; hoặc bắt trèo lên ngọn cây cao rồi chặt gốc cho cây đổ, người rơi xuống chết...”.

Với những ghi chép lịch sử trên, có thể nhận định rằng hình pháp thời Ngô, Đinh và Tiền Lê tuy được ghi nhận rất ít ỏi trong sử sách nhưng nhìn chung là rất hà khắc và tàn bạo, đây là đặc điểm chung của hầu hết các quốc gia thời cổ trung đại nhằm ổn định trật tự xã hội, chống lại các thế lực chống đối và giữ vững vương quyền, đặc biệt ở Đại Việt lúc bấy giờ khi mà Nhà nước phong kiến non trẻ mới được thành lập, vấn đề thống nhất đất nước, chống lại tình trạng cát cứ, ổn định xã hội còn nhiều khó khăn nên việc vua Đinh Tiên Hoàng hay Lê Đại Hành áp dụng

chính sách pháp luật hà khắc chỉ là nhằm mục đích thị uy, trừng trị những thế lực chống đối và xác lập tổ chức bộ máy Nhà nước chứ không áp dụng cho toàn dân. Việc xét xử ở Trung ương chủ yếu do vua định đoạt, còn ở các địa phương thì do các quan trông coi quyết định.

### **1.1.2. Hình thức pháp luật**

Cho đến nay, chưa có nguồn sử liệu nào khẳng định một cách chắc chắn rằng việc áp dụng pháp luật của Nhà nước phong kiến Việt Nam giai đoạn chúng ta đang nghiên cứu có dựa trên luật thành văn hay không? Đây là một vấn đề lý luận cần được nghiên cứu làm sáng tỏ. Tuy nhiên, dựa trên những nguồn sử liệu mà chúng ta có hiện nay có thể thấy rằng, thời kỳ này, người Việt đã tiếp thu chữ Hán từ thời Bắc thuộc, đến thế kỷ thứ X, tầng lớp đông đảo người biết chữ Hán chính là vua quan, quý tộc, sư sãi, nho sỹ, đồng thời trong sử sách có đôi chỗ nói đến hiện tượng vua “chính lệnh ban ra”, “định luật lệ”, “xuống chiếu”... Điều này cho thấy, rất có thể trong giai đoạn này pháp luật thành văn đã hình thành, đặc biệt là dưới triều Tiền Lê thì có thể khẳng định pháp luật thành văn đã được hình thành, trong Đại Việt sử ký toàn thư có viết “năm 1002, vua Lê định luật lệnh”. Ngoài ra, vào thời kỳ này pháp luật thành văn đã được sử dụng tại Trung Hoa phong kiến, cho nên chính quyền phong kiến Việt Nam giai đoạn này hoàn toàn có điều kiện áp dụng kinh nghiệm lập pháp của họ để áp dụng vào nước ta.

### **1.1.3. Việc áp dụng pháp luật hình sự của đế chế Trung Hoa phong kiến ở Việt Nam thời kỳ này.**

Mặc dù hiện nay chưa có nguồn sử liệu nào khẳng định việc áp dụng bộ luật nhà Đường (năm 653) của nhà nước phong kiến Việt Nam trong giai đoạn này, nhưng qua những diễn biến lịch sử trước thế kỷ thứ XI, có thể nhìn nhận rằng, trước khi Nhà nước phong kiến độc lập tự chủ Việt Nam đầu tiên được thành lập, nước ta đã trải qua hàng nghìn năm Bắc thuộc, đã chịu ảnh hưởng rất lớn của chính sách đô hộ của đế chế Trung Hoa phong kiến, trong đó có việc bị áp dụng những quy định

pháp luật nói chung và chính sách hình sự nói riêng của chính quyền đô hộ, đồng thời sau khi giành được độc lập, do hoàn cảnh lịch sử của Đại Việt lúc đó phải xây dựng và bảo vệ chính quyền trong điều kiện đất nước còn nhiều rối ren nên việc xây dựng hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong giai đoạn lịch sử này vẫn chưa được Nhà nước phong kiến Việt Nam dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê quan tâm. Trong khi đó, trong giai đoạn này Bộ luật nhà Đường của đế chế Trung Hoa lại có ảnh hưởng rất lớn đến các quốc gia trong khu vực như Nhật Bản, Triều Tiên. Điều này giúp chúng ta đưa ra giả thiết rằng, trong giai đoạn này những người cầm quyền nhà nước phong kiến Việt Nam có thể áp dụng các đạo luật của đế chế trung Hoa thời nhà Đường. Như Giáo sư Insun Yu đã kết luận trong chuyên đề *Những hệ thống luật pháp truyền thống ở Trung Quốc, bán đảo Triều Tiên và Việt Nam* : “Hệ thống pháp luật phong kiến ở bán đảo Triều Tiên và Việt Nam (Đại Việt, Đại Nam) chịu ảnh hưởng của pháp luật Trung Quốc, cụ thể là luật nhà Đường...”

## **1.2. Pháp luật hình sự dưới triều Lý (1009 - 1225)**

Ngày 2 tháng 11 năm Kỷ Dậu, tức ngày 21 tháng 11 năm 1009, được các thế lực Phật giáo đứng đầu là sư Vạn Hạnh cùng các triều thần ủng hộ, Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước là Đại Việt, niên hiệu Thuận Thiên, lập nên nhà Lý. Nhà Lý tồn tại 215 năm với 9 đời vua: Lý Thái Tổ (1010 - 1028), Lý Thái Tông (1028 - 1054), Lý Thánh Tông (1054 - 1072), Lý Nhân Tông (1072 - 1127), Lý Thần Tông (1128 - 1138), Lý Anh Tông (1138 - 1175), Lý Cao Tông (1176 - 1210), Lý Huệ Tông (1211 - 1225), Lý Chiêu Hoàng (1225). Dưới triều nhà Lý, việc soạn thảo, xây dựng hệ thống pháp luật rất được coi trọng. Nghiên cứu hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng giai đoạn này, chúng ta có thể nhận thấy *những đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự dưới triều Lý như sau*:

### **1.2.1. Về giá trị của pháp luật hình sự.**

Dưới triều Lý, giá trị của pháp luật hình sự được đánh giá rất cao vì các kiến thức về pháp luật hình sự được coi là điều kiện cần thiết khi thi tuyển vào các chức quan làm việc trong Bộ máy Nhà nước phong kiến (Ba môn thi bắt buộc là hình luật, viết chữ và toán). Việc soạn thảo, ban hành các văn bản pháp luật hình sự rất được những nhà cầm quyền triều Lý quan tâm, chúng ta có thể tìm hiểu vấn đề này khi nghiên cứu về hệ thống các văn bản pháp luật hình sự được ban hành trong thời kỳ này.

### **1.2.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự**

#### **1.2.2.1. Xây dựng bộ luật thành văn đầu tiên**

Để củng cố quyền lực của triều đình Nhà Lý và ổn định xã hội, năm 1042, Lý Thái Tông sai trung thư sảnh sửa định luật lệ, chia môn loại, biên ra điều khoản, lập ra Hình thư. Về việc ra đời bộ Hình thư, Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ toàn thư 2 ghi: “Ban Hình Thư. Trước kia việc kiện tụng trong nước phiền nhiễu, quan lại giữ luật pháp câu nệ luật văn, cốt làm cho khắc nghiệt thêm, thậm chí nhiều người bị oan uổng quá đáng. Vua lấy làm thương xót, sai trung thư san định luật lệnh, chăm chú cho thích ứng với thời thế, chia ra môn loại, biến thành điều khoản, làm thành sách hình thư của một triều đại để cho người xem dễ hiểu. Sách làm xong xuống chiếu ban hành, dân lấy làm tiện. Đến đây phép xử án được bằng thẳng rõ ràng”.

Theo Lê Quý Đôn trong Đại Việt thông sử (Nghệ Văn Chí) và Phan Huy Chú trong Lịch triều hiến chương loại chí (Văn tịch chí) thì Bộ Hình thư có 3 quyển, sau thời kỳ phá hủy văn hóa của nhà Minh nay đã thất truyền. Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta, đánh dấu một thành tựu to lớn trong lịch sử pháp luật Đại Việt.

#### **1.2.2.2. Các Văn bản pháp luật đơn hành - các đạo, chiếu, lệnh.**

Ngoài Bộ Hình thư, dưới triều Lý còn ban hành nhiều đạo, chiếu, lệnh quy định các vấn đề về hình sự đã được sử cũ ghi lại, theo thống kê của Phan Đăng Thanh,



Trương Thị Hòa trong “ Lịch sử các định chế chính trị và pháp quyền Việt Nam, NXB Chính trị Việt Nam, 1995 và trong Đại Việt Sử Ký Toàn thư, bản kỷ toàn thư 2, 3, 4, bản dịch điện tử, wikipedia tiếng Việt, chúng ta có thể kể đến những văn bản pháp luật hình sự đơn hành trong giai đoạn này như:

1) Đời Lý Thái Tổ: a) Chiếu về việc vua đích thân giải quyết khiếu kiện của dân năm 1010; b) Lệnh xử phạt binh lính cướp của dân (1028), ai cướp bóc của dân thì bị chém;

2) Đời Lý Thái Tông: a) Chiếu 1040 quy định phạm nhân dân trong nước ai có việc kiện tụng gì đều giao cho Khai Hoàng Vương xử đoán rồi tâu lên, lại cho lấy điện Quảng Vũ làm nơi Vương xử kiện; b) Chiếu (1042): Mùa hạ, tháng 5 xuống chiếu rằng các quan chức đô (chỉ huy quân cấm vệ) mà bỏ trốn thì phạt 100 trượng, thịch vào mặt 50 chữ và xử tội đồ. Quân sĩ trước bị tội đồ nếu trốn vào núi rừng và đồng nội cướp của người thì xử 100 trượng, thịch vào mặt 30 chữ. Người coi giữ trấn trại mà bỏ trốn cũng phải tội như thế; c) Chiếu(1042) về việc kẻ nào ăn trộm trâu của công thì xử phạt 100 trượng, một con phạt thành hai con; d) Chiếu 9/1042 quy định phạt đánh 50 trượng những người vắng mặt trong buổi hội thè; e) Chiếu(1042) về việc kẻ nào ban đêm vào nhà gian dâm với vợ người ta bị chủ nhà đánh chết ngay lúc bấy giờ thì người chủ đó vô tội; f) Chiếu (11/1042) cho phép người già từ 70 tuổi trở lên, 80 tuổi trở xuống, trẻ em từ 10 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống và những người ốm yếu cho đến các thân thuộc nhà vua từ hạng Đại công (để tang 9 tháng) trở lên nếu phạm tội thì cho chuộc bằng tiền, nếu phạm tội thập ác thì không theo lệ này; g) Chiếu về việc thu thuế (1042), cho phép người thu thuế được thu thêm 1/10 gọi là “hoành đầu”, lấy qua số đó bị xử phạt theo tội ăn trộm. Người tố cáo được tha lao dịch cho cả nhà 3 năm. Nếu quản giáp, chủ đô và người thu thuế thông đồng thu quá lệ thì cũng phải tội; h) Tháng 2/1043 xuống chiếu quy định cứ 3 người thành 1 bảo cùng chịu tội nếu có một người chứa giấu hoàng nam làm đầy tớ; i) Chiếu 8/1043, kẻ nào đem bán hoàng nam trong dân gian

làm gia nô cho người ta, đã bán rồi thì đánh 100 trượng, thích vào mặt 20 chữ, chưa bán mà đã làm việc cho người thì cũng đánh trượng như thế, thích vào mặt 10 chữ, người nào biết chuyện mà cũng mua thì xử giảm một bậc; k) Chiếu (10/1043) xử phạt quân sĩ bỏ trốn, trốn quá 1 năm xử phạt 100 trượng, thích vào mặt 50 chữ, chưa đến một năm thì xử theo mức tội nhẹ, quay lại thì cho về chỗ cũ. Quân sĩ không theo xa giá xử 100 trượng, thích vào mặt 10 chữ; l) Chiếu(12/1043) về việc kẻ nào ăn cướp lúa má và tài vật của dân đã thành xử 100 trượng, chưa thành mà có gây thương tích xử tội lưu; m) Chiếu (1044) về tội tham nhũng : Ai ở Quyển Khố Ty (kho lúa) nhận riêng 1 thước lúa bị phạt 100 trượng, từ 1 tấm trở lên thì phạt trượng theo tấm, 10 năm khổ sai và Chiếu cấm các quan coi ngục không được sai tù làm việc riêng, vi phạm bị phạt 100 trượng, thích chữ vào mặt và giam vào nhà lao.

3) Đời vua Lý Thánh Tông: a) Chiếu (1117) cấm lạm sát trâu bò : kẻ mổ trộm trâu thì chồng bị phạt 80 trượng, đồ làm khao giáp(phục vụ trong quân đội), vợ bị xử 80 trượng, đồ làm tang thất phụ và bồi thường trâu, lảng giềng biết mà không tố cáo phạt 80 trượng; b) Chiếu (1122) quy định các nhà quyền quý giữ lại những tên trộm đã bị bắt cũng bị coi là không nộp quan thì bị phạt 80 trượng; c) Chiếu(1123) cấm giết trâu, 3 nhà làm 1 bảo, ai làm trái bị chiếu theo luật hình; d) Chiếu(1125) quy định đánh chết người phạt 100 trượng, thích vào mặt 50 chữ, đồ làm khao giáp.

4) Đời Vua Lý Thần Tông: a) Chiếu(1128) về việc bảo đảm an ninh trật tự cho dân chúng trong hương ấp, không được che giấu cho kẻ trộm cướp trốn tránh, kẻ đánh nhau, giết người; b) Chiếu(5/1128) quy định việc kiện đã được các triều vua trước xử rồi thì không được xử lại;

5) Đời Vua Lý Anh Tông : a) Chiếu (1142) quy định 3 nhà làm một bảo kiểm soát lẫn nhau, không ai được mổ trâu bò, nếu có việc cúng tế phải tâu xin được chỉ rồi mới cho mổ, làm trái thì bị tội nặng, lảng giềng không tố cáo bị cùng tội; b) Chiếu (9/1143), xuống chiếu rằng các nhà quyền thế ngoài đầm ao của mình không được ngăn cấm xướng bậy, làm trái thì có tội; c) Chiếu (1145), quy định những

người tranh nhau ruộng ao, của cải không được nhờ cậy nhà quyền thế, làm trái đánh 80 trượng, xử tội đồ; d) Chiếu (1150) cấm bọn hoạn quan không được tự tiện vào trong cung, ai phạm thì bị tội chết, nếu canh giữ không cẩn thận để người khác vào cung cũng bị tội như thế. Cấm các quan trong triều không được đi lại với các nhà vương hầu. Trong cung cấm không được hội họp nhau năm, ba người để bàn luận, chê bai, ai phạm thì trị tội. Kẻ nào đi lại bên ngoài phía đầu hành lang chứa khí giới của Đô Phụng Quốc Vệ bị xử 80 trượng, bị tội đồ; đi vào hành lang ấy bị xử tử. Lính Phụng Quốc Vệ ở trong hành lang ấy phải có chiếu chỉ mới được cầm khí giới, nếu không có chiếu chỉ mà tự tiện mang khí giới đi quá ra phía ngoài phía đầu hành lang thì bị xử tử; e) Chiếu (1162) cấm tự hoạn, vi phạm bị xử phạt 80 trượng, thích 23 chữ vào tay trái;

Sự ra đời của Hình Thư và các luật lệnh khác dưới triều Lý đã đánh dấu bước phát triển trong pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, điều chỉnh các quan hệ khác nhau của đời sống xã hội nhằm bảo vệ trật tự xã hội phong kiến, quyền lực của giai cấp thống trị và ở chừng mực nhất định đã phản ánh thực tiễn xã hội Việt Nam phong kiến lúc bấy giờ, tạo những tiền đề đầu tiên cho sự hình thành nền lập pháp truyền thống của dân tộc.

### **1.2.3. Những quy định chủ yếu trong pháp luật hình sự dưới triều Lý**

#### **1.2.3.1. Một số nguyên tắc chung của pháp luật hình sự**

1) Nguyên tắc mọi vi phạm pháp luật đều được trừng trị bằng hình phạt. Đây là một đặc điểm chung của pháp luật phong kiến, các vi phạm trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội cũng đều bị trừng trị bằng chế tài hình sự. Do việc không phân chia hệ thống pháp luật thành các ngành luật như trong pháp luật hiện đại, nên các vi phạm trong các lĩnh vực pháp luật khác nhau ngoài hình sự (vi phạm pháp luật hành chính, dân sự, hôn nhân gia đình...) đều được gọi chung là bị “xử tội”.

2) Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền, nguyên tắc này được áp dụng đối với một số chủ thể (người già, người bị ốm đau, bệnh tật, trẻ em) và đối một số loại tội (trừ tội

thập ác) - chiếu 11/1042; chiếu (1071) quy định tiền chuộc tội theo thứ bậc khác nhau. Đây là nguyên tắc nhân đạo mang tính truyền thống của pháp luật hình sự Việt Nam mà các triều đại phong kiến Việt Nam sau này đều lĩnh hội tiếp thu trong quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự.

3) Nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự liên đới (ví dụ như chiếu 2/1043, chiếu 1117, 1123...), nguyên tắc này dựa trên cơ sở quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân gia đình, theo đó nếu người gia trưởng trong gia đình phạm tội thì vợ con có thể bị tội theo...

### **1.2.3.2. Hình phạt**

Dưới triều Lý đã bắt đầu hình thành hệ thống hình phạt tương đối cụ thể và có hệ thống, bao gồm:

1) Ngũ hình: hệ thống ngũ hình có lẽ được quy định trong bộ Hình Thư (hiện không còn tài liệu ghi nhận nội dung), nhưng trong các chiếu lệnh cũng có đề cập đến. Ngũ hình thời kỳ này là hệ thống ngũ hình được lĩnh hội từ pháp luật nhà Đường (618 - 907), gồm: xuy, trượng, đồ, lưu, tử. Tuy nhiên, do sử liệu về Hình Thư không còn nên về nội dung của ngũ hình giai đoạn này không được cụ thể (từng bậc của ngũ hình và việc áp dụng ngũ hình) mà chỉ được nhắc đến trong các chiếu, lệnh được ban ra như: xử tội đồ, tội lưu, tội tử...

2) Các hình phạt khác: thích chữ vào thân thể được coi là hình phạt phụ được áp dụng phổ biến đối với nhiều loại tội (chiếu 1042, 1043, 1044 ...)

Nhìn chung hệ thống hình phạt dưới triều Lý rất hà khắc, đặc biệt là khi áp dụng đối với những tội chống đối, người phạm tội hoặc bị cắt thịt, róc xương ở chợ, hoặc bị đưa lên ngựa gỗ - tức là bị đóng vào một tấm ván đưa đi bêu chợ, sau đó mới đem tùng xẻo, hoặc bị chặt hết chân tay... Chẳng hạn, “Năm 1035, Định Thắng đại tướng là Nguyễn Khánh cùng với đô thống Đàm Toái Trạng, nhà sư họ Hồ và các em vua là bọn Thắng Cán, Thái Phúc toan đoạt ngôi vua, Nguyễn Khánh và nhà sư

họ Hồ đều bị cắt thịt róc xương ở chợ Tây”(Theo Trương Hữu Quýnh trong Đại Cương lịch sử Việt Nam, T1, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2005).

### **1.2.3.3. Tội phạm**

Nghiên cứu các đạo, chiếu và các vụ việc được ghi trong sử cũ cho thấy pháp luật dưới triều Lý quy định các loại tội phạm sau:

1) Tội thập ác: được đề cập trong Chiếu 11/1042, nhưng tài liệu pháp luật thời kỳ này không cho biết nội dung cụ thể của nhóm tội này dưới triều Lý. Đây là nhóm tội có nguồn gốc bên Trung Quốc, và thời kỳ này pháp luật Trung Hoa phong kiến rất phát triển và được rất nhiều các quốc gia Á Đông tiếp thu, do vậy việc triều Lý áp dụng những nội dung của nhóm tội này theo pháp luật Trung Hoa là điều có thể xảy ra. Tuy nhiên, do Bộ Hình Thư bị thất truyền nên việc nghiên cứu chế định này dưới triều Lý không còn tài liệu.

2) Nhóm tội cấm vệ: bao gồm những hành vi liên quan đến việc bảo vệ cung cấm (Chiếu 1060, 1150)

3) Nhóm tội về chức vụ như Chiếu 1044 về tội tham nhũng.

4) Nhóm tội về quân sự: quy định về các tội phạm liên quan đến những người làm trong quân ngũ như Chiếu 1042, Chiếu 10/1043...

5) Nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người : như tội giết người, tội đánh người : Chiếu 1125 về tội đánh chết người, Chiếu 1142, Chiếu 1129...

6) Nhóm tội trộm cướp, trộm cắp: Chiếu 1142. 1129...

Thời kỳ này các nhà làm luật đã bắt đầu có sự phân biệt giữa vô ý phạm tội và cố ý phạm tội, như chiếu 1043 về mua bán hoàng nam: người biết mà vẫn mua xử giảm một bậc; bắt đầu có khái niệm về đồng phạm, về trách nhiệm hình sự liên đới (Chiếu 2/1043 quy định cứ 3 người thành một bảo cùng chịu tội nếu có một người chứa giấu Hoàng nam làm đầy tớ).

### **1.2.3.4. Quy định về tha miễn hình phạt**

Trước Triều Lý, nghiên cứu các tài liệu trong sử cũ cho thấy các quy định về tha miễn hình phạt chưa được đề cập đến trong pháp luật phong kiến Việt Nam. Trong Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ toàn thư 3 chỉ ghi nhận năm 1129, Lý Thần Tông xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước, sử thần Ngô Sĩ Liên bình luận: “Nhân Tông thường nhân việc mở hội mà tha cho người có tội, là không phải lẽ, còn như vua Thần Tông thì không có việc gì mà cũng tha bổng, phàm người có tội phạm pháp, có kẻ nặng, người nhẹ năm bậc hình phạt, có trên có dưới sau lại tha bổng được”.

#### **1.2.4. Sự lĩnh hội pháp luật hình sự Trung Hoa phong kiến**

Trong giai đoạn này, hai bộ luật của Trung Hoa phong kiến là Bộ luật nhà Đường (năm 653) và Bộ luật nhà Tống (năm 936) có ảnh hưởng rất lớn đến pháp luật của các quốc gia lân cận, trong đó có Việt Nam. Dưới Triều Lý, rất nhiều các quy định pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng được hình thành trên cơ sở lĩnh hội những quy định trong hai bộ luật này của nhà nước Trung Hoa phong kiến, chẳng hạn như :

1) Chế định ngũ hình: Ngũ hình được quy định trong pháp luật hình sự triều Lý là hệ thống ngũ hình cổ điển của pháp luật Trung Hoa phong kiến từ thời nhà Đường với năm hình phạt: xuy, trượng, đồ, lưu, tử. Tuy nhiên khi lĩnh hội vào điều kiện Việt Nam có lẽ đã có sự cải biến về nội dung cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Đại Việt lúc đó, tuy nhiên sự lĩnh hội như thế nào và có sự khác biệt ra sao so với pháp luật Trung Hoa phong kiến thì do sự thất truyền của Bộ Hình Thư mà hiện nay không có sử liệu để nghiên cứu.

2) Chế định về tội phạm: quy định về nhóm tội thập ác có nguồn gốc từ thời nhà Tề Trung Quốc (479-502), sau đó được quy định rõ và đầy đủ hơn trong luật nhà Tùy, nhà Đường. Dưới triều Lý nhóm tội này lần đầu tiên được nhắc đến trong Chiếu 1042 về chuộc tội bằng tiền nhưng không rõ nội dung. Theo tác giả Trương Hữu Quỳnh, Nguyễn Đức Nghinh dưới thời nhà Lý các tội thập ác là: 1. Mưu

phản; 2.Muru đại nghịch: phá hủy cung, lãng , miếu; 3. Muru loạn : theo giặc; 4.ác nghịch: đánh giết ông,bà,cha,mẹ; 5. Bất đạo: giết người vô tội; 6. Đại bất kính: lấy trộm đồ dùng của vua, làm giả ấn tín; 7.Bất hiếu: chửi mắng ông, bà, cha mẹ; 8.Bất mục: muru giết người hay bán người thân; 9.Bất nghĩa: giết trưởng quan, thầy học; 10. Nội loạn.

Nhìn chung, pháp luật hình sự dưới triều Lý bắt đầu có bước phát triển so với thời kỳ trước, do trong giai đoạn này Nhà nước phong kiến Đại Việt đã bắt đầu có bước ổn định hơn so với giai đoạn trước. Triều Lý đã bắt đầu có sự chăm lo đến đời sống pháp luật nói chung nhằm ổn định xã hội. Nếu so sánh với giai đoạn trước dưới triều Ngô, Đinh, Tiền Lê thì giai đoạn này sử sách vẫn còn lưu giữ được một số ít thông tin cho thấy sự phát triển bước đầu của một nền văn hóa pháp lý nói chung, pháp luật hình sự nói riêng, tạo cơ sở đầu tiên cho những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc sẽ được kế thừa, phát triển rục rờ trong các triều đại phong kiến sau này và cả trong pháp luật hình sự đương đại.

### **1.3. Pháp luật hình sự dưới triều Trần (1225- 1400).**

Vào cuối thời nhà Lý, chính quyền trung ương suy yếu, nhiều thế lực phong kiến địa phương trỗi dậy. Trong cuộc tranh giành quyền lực giữa các phe phái phong kiến thế lực họ Trần dần phát triển và trở thành lực lượng mạnh nhất không chế được triều Lý đang hấp hối. Năm 1225, dưới sự sắp xếp của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh tự Trần Thái Tông, lập nên triều đại nhà Trần, vẫn giữ quốc hiệu Đại Việt. Triều Trần tồn tại được 175 năm (từ 1225 đến 1400) với 12 đời vua: Trần Thái Tông (1225 - 1258), Trần Thánh Tông (1258 - 1278), Trần Nhân Tông (1279 - 1293), Trần Anh Tông (1293 - 1314), Trần Minh Tông (1314 -1329), Trần Hiến Tông (1329 - 1341), Trần Dụ Tông (1341- 1369), Trần Nghệ Tông (1370 - 1372), Trần Duệ Tông (1372 - 1377), Trần Phế Đế (1377 - 1388), Trần Thuận Tông (1388 - 1398), Trần Thiếu Đế (1398 - 1400).

Dưới triều nhà Trần, hoạt động lập pháp được triển khai khá mạnh mẽ và được chú trọng. Việc nghiên cứu pháp luật dưới triều Trần cho chúng ta thấy *những đặc điểm của pháp luật hình sự triều Trần như sau:*

### **1.3.1. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự**

Trong thời kỳ này điểm nổi bật nhất là việc ban hành hai bộ luật dưới đời vua Trần Thái Tông và Trần Dụ Tông trong đó có bao gồm các quy định pháp luật hình sự: Bộ Quốc Triều Thông Chế (còn gọi là Quốc triều hình luật) ban hành năm 1230 gồm 20 quyển dưới thời vua Trần Thái Tông và Bộ Hình Thư năm 1341 dưới thời vua Trần Dụ Tông. Nói về sự kiện này trong Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ toàn thư 5 và 7 có ghi: “Canh Dần, mùa xuân, tháng 3(1230), khảo xét các luật lệ của triều trước, soạn thành Quốc Triều Thông Chế và sửa đổi hình luật lễ nghi, gồm 20 quyển” và “Tân Ty, 1341, sai Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn làm biên soạn bộ Hoàng Triều đại điển và khảo soạn bộ Hình Thư để ban hành”(tuy nhiên việc có ban hành Bộ Hình Thư này sau đó không lại không được nhắc đến trong Đại Việt Sử ký toàn thư và trong Lịch Triều Hiến Chương loại chí thì không đề cập đến việc dưới Triều Trần có ban hành Bộ Hình Thư năm 1341). Cũng như Bộ Hình Thư dưới Triều Lý, hai Bộ luật này cũng không còn, hiện sử sách chỉ chép lại về việc cho soạn thảo, ban hành hai bộ luật này còn về nội dung của chúng thì hiện không có nguồn sử liệu nào ghi nhận.

Ngoài hai bộ luật này, dưới triều nhà Trần còn ban hành một số văn bản pháp luật đơn hành điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự (được ghi lại trong Đại Việt sử ký toàn thư), cụ thể như:

1) Vua Trần Thái Tông, ban hành các chiếu: *a*) Chiếu (1230) quy định tội đồ có các mức khác nhau: Loại bị đồ làm Cáo điền hoành thì thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cáo xá, cày ruộng công mỗi người 3 mẫu, mỗi năm nộp 300 thăng thóc; Loại bị đồ làm Lao thành binh thì thích vào cổ 4 chữ, bắt dọn cơ ở Phụng Thành, thành Thăng Long, lệ vào quân tứ sương; *b*) Chiếu (1224) quy định cách thức thi hành



các luật hình; *c*) Chiếu(1244), định các cách thức về luật hình; *d*) Chiếu (1250), các việc kiện tụng đã thành án, phải cùng quan thẩm hình viện xem xét định tội;

2) Vua Trần Nhân Tông: Chiếu (1289) về việc trị tội những kẻ hàng giặc, chỉ quân lính và dân thường được miễn tội chết nhưng bắt chớ gõ đá, xây dựng cung điện, quan viên hàng giặc thì tùy tội nặng nhẹ mà xét xử; xử tội đồ quân dân hai hương Ba Điểm và Bàn Hà làm thành một binh, không được làm quan;

3) Vua Trần Anh Tông: *a*) Chiếu (1298) cấm chữ huý của một số đại vương, vương; *b*) Chiếu (1304) quy định khi áp tay vào giấy tờ hình án thì dùng hai đốt ngón tay vô danh bên trái;

4) Vua Trần Minh Tông: *a*) Chiếu (1315) cấm tố cáo người thân trong gia đình; cấm cha con, vợ chồng và gia nô không được tố cáo nhau; *b*) Lệnh (1324) cấm tiền kẽm;

5) Vua Trần Dụ Tông: Chiếu (1360) bắt gia nô của vương hầu, công chúa phải thích chữ vào trán nếu không bị coi là giặc cướp, nếu lớn thì trị tội, bé sung công.

6) Vua Trần Duệ Tông: Chiếu (1374) cấm không được bắt chước lối phục sức và tiếng nói của người nước ngoài.

7) Vua Trần Thuận Tông: Chiếu (1397) cho phép chuộc tội bằng ruộng.

8) Vua Trần Thiếu Đế: *a*) Lệnh (1399) bảo vệ an ninh trật tự; *b*) Lệnh (1399) về việc xử phạt kẻ trộm măng tre vòng thành;

### **1.3.2. Những quy định chủ yếu của pháp luật hình sự dưới triều Trần.**

Nhìn chung, dưới triều đại nhà Trần các văn bản pháp luật hình sự đơn hành thường điều chỉnh một quan hệ xã hội nào đó phát sinh trong giai đoạn cầm quyền của một vị vua, còn về cơ bản, những quan hệ xã hội được pháp luật hình sự điều chỉnh có lẽ tập trung trong hai bộ luật đã thất truyền (Quốc Triều Thông Chế và Hình Thư) của Triều Trần. Nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự đơn hành trên và những ghi chép của sử sách cũ chúng ta có thể khái quát được một số vấn đề về pháp luật hình sự giai đoạn này như sau:

### **1.3.2.1. Một số nguyên tắc hình sự cơ bản.**

Cũng như thời kỳ nhà Lý, dưới triều đại nhà Trần, thông qua việc nghiên cứu những văn bản pháp luật hình sự đơn hành được ban hành dưới các đời vua Trần như đã trình bày ở trên chúng ta có thể rút ra một số nguyên tắc hình sự cơ bản của giai đoạn này như sau :

1) Nguyên tắc mọi vi phạm pháp luật đều được trừng trị bằng chế tài hình sự. Đây là nguyên tắc chung của pháp luật thời kỳ phong kiến, khi có vi phạm khác nhau trong đời sống xã hội dù thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình, dân sự, hành chính, hình sự thì đều được xử lý bằng các chế tài hình sự mà ở đây là hình phạt và đều được gọi bằng tên là “tội”.

2) Nguyên tắc chuộc tội bằng tài sản: nếu như chế định chuộc tội bằng tiền trong sử cũ còn lưu lại xuất hiện từ thời kỳ nhà Lý thì đến giai đoạn nhà Trần bắt đầu có sự phát triển với việc không chỉ chuộc tội bằng tiền mà còn cho chuộc bằng tài sản(ruộng), điều này được quy định trong chiếu 1398 - là một hình thức của Chiếu hạn điền đề ra thời kỳ này.

3) Nguyên tắc trách nhiệm hình sự liên đới: trách nhiệm hình sự liên đới dưới triều Trần được thể hiện trong quy định trộm cắp lần đầu bị đánh 80 trượng, thích chàm vào mắt hai chữ “phạm đạo”, đền 9 lần tài sản trộm cắp, nếu không đền được thì bắt vợ con sung làm nô tỳ, tái phạm chặt chân tay, phạm lần ba bị giết. Quy định này dựa trên cơ sở quan hệ huyết thống và hôn nhân, đặc biệt là trên cơ sở quan điểm vợ con được coi là tài sản của người chồng trong chế độ phong kiến, nên khi người gia trưởng(chồng) trong gia đình phạm tội thì vợ con thường bị sung vào làm nô tỳ. Quy định này cũng được duy trì trong các triều đại phong kiến sau này.

### **1.3.2.2. Quy định về hình phạt**

Hình phạt được quy định trong pháp luật hình sự dưới triều Trần bao gồm Ngũ hình và các hình phạt khác :

1) Ngũ hình: là hình phạt được quy định phổ biến trong pháp luật hình sự phong kiến Đại Việt qua các triều đại phong kiến khác nhau. Tuy nhiên, cũng như dưới triều Lý, do không còn lưu lại hai bộ luật cũ là Quốc triều Thông chế và Hình Thư nên hiện nay chúng ta chỉ còn biết đến Ngũ hình trong giai đoạn này thông qua việc có nhắc đến các hình phạt có trong Ngũ hình ở một số Chiếu, Lệnh được ban hành, chẳng hạn như Chiếu 1230 (vua Trần Thái Tông) định tội đồ có hai mức khác nhau là Cáo điền hoành và Lao thành binh.

2) Các hình phạt khác: Ngoài Ngũ hình, pháp luật hình sự triều Trần còn đề cập đến các hình phạt khác như :

a) *Phạt tiền* : nghiên cứu các vụ án dưới triều Trần cho thấy, phạt tiền được coi là một hình phạt chính hoặc bổ sung khi xử lý người phạm tội, như : “ Năm 1326, Trương Hán Siêu bị phạt 300 quan tiền vì có hành vi vu cáo hình quan Phạm Ngô và Lê Duy”( *Theo Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam, Trường Đại học luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân*).

b) *Thích chữ vào thân thể* : thường là hình phạt bổ sung cho một số hình phạt khác và được áp dụng phổ biến cho nhiều loại tội, như Chiếu 1230 quy định về tội đồ, chiếu 1392...

c) *Chặt tay, chân*: thường được áp dụng là hình phạt đối với các tội trộm cắp (Chiếu 1320)

d) *Tịch thu tài sản*: thường được áp dụng đối với các tội phạm liên quan đến Thập ác, đặc biệt là tội mưu phản, mưu đại nghịch chống lại triều đình.

e) *Biếm chức hoặc cách chức*: được coi là một hình phạt bổ sung áp dụng kèm theo hình phạt chính đối với quan lại phạm tội. Theo Chiếu 1398 thì người bị biếm hay mất chức có thể lấy ruộng chuộc lại. Đây cũng được coi là một hình thức của chuộc tội bằng tài sản.

Nhìn chung, các chế tài hình sự thời kỳ này nghiêm khắc hơn thời kỳ nhà Lý, chẳng hạn luật hình sự triều Trần quy định các kiểu tử hình rất dã man như chôn

sống hoặc đóng đinh phạm nhân lên bảng gỗ rồi bêu ra chợ trước khi tử hình. Ngoài ra, trong các quy phạm pháp luật hình sự thường không quy định hình phạt cụ thể đối với một số loại tội phạm mà chỉ ra lệnh cấm nếu vi phạm thì bị trừng trị, ví dụ như quy định cấm thường dân ăn mặc, xây nhà cửa giống tầng lớp quý tộc nếu không sẽ bị trừng trị.

### **1.3.2.3. Quy định về tội phạm.**

Cũng như pháp luật hình sự dưới triều Lý, pháp luật hình sự dưới triều Trần đề cập đến nhóm tội phạm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến là Thập ác, tuy nhiên điều này cũng chỉ được nhắc đến trong các chiếu, lệnh còn nội dung cụ thể của nhóm tội này không có tài liệu sử ghi lại chi tiết do việc bị thất truyền hai bộ luật cổ dưới triều đại này. Ngoài ra, thông qua các quy định trong các chiếu, lệnh dưới các đời vua Trần còn đề cập đến các loại tội phạm khác như tội giết người, tội trộm cắp tài sản, hoặc dựa trên hình phạt để gọi tên tội phạm như tội đồ, tội lưu, tội tử.

Nhìn chung, pháp luật hình sự dưới triều Trần so với các triều đại phong kiến trước đó đã có những bước phát triển kế thừa, đặc biệt là về hiệu lực của pháp luật trong xã hội được nâng cao, mặc dù sử sách cũ không ghi chép nhiều đến việc này nhưng đây là thời kỳ mà triều Trần lãnh đạo nhân dân cả nước ba lần chiến thắng giặc Nguyên Mông nên nhân dân cả nước rất đồng thuận một lòng với triều đình, do vậy, những quy định pháp luật có lẽ có hiệu lực trong nhân dân. Tuy nhiên, do pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng dưới Triều Trần rất đề cao việc bảo vệ tầng lớp quý tộc, thể hiện sự phân chia đẳng cấp rất lớn nên hiệu lực của nó đối với tầng lớp này lại thấp, như vua Trần Minh Tông từng nói: pháp luật khó thi hành đến tầng lớp có lọng tía.

## **1.4. Pháp luật hình sự dưới triều Hồ**

Năm 1398, Hồ Quý Ly ép vua Trần Thuận Tông nhường ngôi cho con là Thiệu Đế mới 3 tuổi, đến đầu năm 1400, Hồ Quý Ly phế Thiệu Đế và lên làm vua, đặt

quốc hiệu là Đại Ngu. Đến năm 1401, Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương và lên làm Thái Thượng Hoàng nhưng vẫn tự mình quyết đoán mọi việc. Nhà Hồ tồn tại 7 năm, đến 1407 khi Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương bị quân Minh bắt.

Nhà Hồ tồn tại trong thời kỳ đất nước ta gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế - xã hội. Cha con Hồ quý Ly đã phải thi hành những chính sách cải cách về kinh tế, pháp luật, ngoại giao.

Về mặt pháp luật hình sự, cuối năm 1401 “Hán Thương định quan chế và hình luật nhà nước Đại Ngu”, nhưng trong sử cũ không có ghi chép về việc Nhà Hồ đã sửa đổi pháp luật như thế nào so với trước của thời Nhà Trần.

Hiện nay, sử cũ chỉ ghi chép lại một số quy định về mặt hình sự được ban hành dưới triều Nhà Hồ như: Năm 1401, Hán Thương ra lệnh cấm người tôn thất và cung nhân không được xưng quý hiệu, người vi phạm sẽ bị trị tội; quy định kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruộng đất, tài sản bị tịch thu; cấm tuyệt tiền đồng, không được chứa lén, tiêu vụng, kẻ nào vi phạm cũng bị trị tội như làm tiền giả. Do Nhà Hồ tiếm ngôi từ nhà Trần nên lòng dân không thuận, nhiều cuộc chống đối diễn ra, nhằm giữ vững ngôi vị, Nhà Hồ tiến hành trừng trị rất khắc nghiệt đối với những tội mưu phản như lăng trì, dìm xuống nước cho đến chết...

Nhìn chung, về mặt pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, do hoàn cảnh lịch sử Nhà Hồ chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn, lại trong điều kiện đất nước đang gặp rất nhiều khó khăn, kinh tế suy đồi, nên những quy định trong lĩnh vực pháp luật hình sự mà Nhà Hồ ban hành chủ yếu nhằm mục đích phục vụ cho cuộc cải cách đất nước và giữ vững vương quyền. Nên về tính chất, pháp luật hình sự thời kỳ này hà khắc hơn so với triều đại nhà Trần.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Giai đoạn đầu tiên của nền phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV trải qua 6 triều đại phong kiến Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, qua việc nghiên cứu các đặc điểm của luật hình sự phong kiến Việt Nam trong giai đoạn này cho chúng ta có thể đưa ra những nhận xét về pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong thời kỳ đầu xây dựng nền độc lập tự chủ sau hàng nghìn năm Bắc thuộc cho đến khi củng cố, bảo vệ, phát triển chính quyền tự chủ:

1. Mặc dù trong giai đoạn này nền lập pháp nước ta nói chung trong đó có pháp luật hình sự đã bắt đầu hình thành và có những bước phát triển nhất định nhưng do hoàn cảnh lịch sử mà những di tích pháp lý quan trọng (Bộ Hình Thư triều Lý và Bộ Quốc triều Hình Luật, Hình Thư triều Trần) không còn nên việc nghiên cứu về nội dung của những quy định pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong giai đoạn này không được sâu sắc và toàn diện.

2. Với những di sản pháp lý còn lại cũng đã cho phép chúng ta có cái nhìn chung về luật hình sự Việt Nam giai đoạn này với những di tích pháp lý có giá trị, để lại những giá trị pháp luật truyền thống mà sau này được các triều đại phong kiến Việt Nam kế tiếp kế thừa và phát triển rục rờ vào thời kỳ Nhà Lê, như về những quy định về hình phạt, về tội phạm hay những nguyên tắc hình sự..., thông qua những quy định này đã thể hiện những quan điểm pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng và đây cũng chính là bước đầu của việc hình thành những giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc được các triều đại phong kiến Việt Nam sau này kế thừa và phát triển. Về một phương diện nhất định, những giá trị pháp lý trong giai đoạn này vẫn được các nhà nghiên cứu lập pháp đương đại tìm hiểu, đánh giá, góp phần vào công cuộc cải cách nền Tư pháp hiện nay trong đó bao gồm cả vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự.

## CHƯƠNG 2

# CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XIX

### 2.1. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam dưới triều Hậu Lê (1428-1788)

Tháng 6 năm 1407, sau khi đánh bại cuộc kháng chiến của triều Hồ, nhà Minh thủ tiêu nền độc lập của Đại Việt và đặt Đại Việt thành quận Giao Chỉ thuộc nhà Minh. Quận Giao Chỉ được chia thành các cấp hành chính Phủ, Châu, Huyện, Xã. Hệ thống chính quyền ở Quận Giao Chỉ được tổ chức theo mô hình chính quyền địa phương của nhà Minh. Các chức vụ chủ chốt trong chính quyền đô hộ do triều Minh cử quan lại sang đảm nhiệm, bên cạnh đó có đội ngũ thổ quan khá đông.

Nhà Minh đã cho tiến hành một chính sách đô hộ rất tàn bạo đối với Đại Việt nhằm đè bẹp tinh thần, ý chí đấu tranh của nhân dân Đại Việt, chúng ra lệnh tước đoạt mọi thứ vũ khí trong tay nhân dân ta, ai chế tạo, cất giấu chiến thuyền, vũ khí dù là loại thô sơ nhất đều bị khép vào tội phản nghịch “ Quân giặc đi đến đâu chém giết thả cửa hoặc chặt thây người làm núi, hoặc rút ruột người quán vào cây, hoặc rán thịt người lấy mỡ, hoặc dùng nhục hình bào lột để mua vui, thậm chí có người theo lệnh giặc, mổ bụng người có thai, cắt tay của mẹ và con để dâng cho giặc” (*Theo Trương Hữu Quýnh trong Đại Cương lịch sử Việt Nam, T1*). Ngoài việc thi hành các chính sách khủng bố trên, về phương diện kinh tế, nhà Minh còn tiến hành đẩy mạnh việc vơ vét của cải và bóc lột nhân dân ta một cách tham tàn, chúng bắt hàng loạt dân ta đem về nước phục dịch. Dưới ách đô hộ khủng bố và tham lam của nhà Minh nhiều cuộc khởi nghĩa của nhân dân Đại Việt đã bùng nổ. Trong đó, lớn mạnh nhất là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo. Sau hơn 10 năm trường kỳ gian khổ (1418 - 1428), cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành thắng lợi hoàn

toàn, giải phóng đất nước, khôi phục nền độc lập dân tộc, mở ra một giai đoạn phát triển rực rỡ của Đại Việt và lịch sử pháp luật nước ta.

Ngày 15/4/1428, Lê Lợi chính thức lên ngôi ở thành Đông Kinh (Thăng Long), định niên hiệu là Thuận Thiên, lấy lại tên nước Đại Việt, lập nên nhà Lê (1428-1789), để phân biệt với triều Tiền Lê (980 - 1009), sử sách thường gọi triều đại do Lê Lợi lập nên là Hậu Lê. Nhà Hậu Lê trải qua hai giai đoạn:

1) Giai đoạn từ 1428 - 1527, được gọi là Lê Sơ với 10 đời vua: 1. Lê Thái Tổ (1428 - 1433); 2. Lê Thái Tông (1434 - 1442); 3. Lê Nhân Tông (1443-1459); 4. Lê Thánh Tông (1460-1497); 5. Lê Hiến Tông (1497 - 1504); 6. Lê Túc Tông (1504); 7. Lê Uy Mục (1505 - 1509); 8. Lê Tương Dực (1509 - 1516); 9. Lê Chiêu Tông (1516 - 1522); 10. Lê Cung Hoàng (1522 - 1527).

2) Giai đoạn từ sau 1527 đến 1789 được gọi là Lê Mạt hay Lê Trung Hưng với 17 đời vua nối tiếp nhau, trong đó tồn tại song song với triều Mạc từ 1533 - 1592, sau đó cùng các chúa Trịnh Đàng Ngoài (1545 - 1787) và chống các chúa Nguyễn Đàng Trong (1600 - 1777).

Trong thời gian dài 360 năm (1428-1789), nhà nước phong kiến Đại Việt dưới triều Hậu Lê không ngừng xây dựng và hoàn thiện pháp luật. Có thể nói đây là giai đoạn phát triển rực rỡ nhất của pháp luật phong kiến Việt Nam, pháp luật thế kỷ XV - XVIII không những đồ sộ về khối lượng mà còn phong phú về hình thức văn bản và đa dạng về lĩnh vực điều chỉnh. Những thành tựu lập pháp trong thời kỳ này, nhất là ở thời kỳ Lê Sơ, mà đỉnh cao là thời kỳ Lê Thánh Tông đã trở thành mẫu mực mà các triều đại trước đó chưa hề đạt tới, triều đại sau cũng không thể vượt qua và phải lấy nó làm khuôn mẫu để noi theo.

Cùng với sự phát triển của pháp luật nói chung thời kỳ này, pháp luật hình sự cũng phát triển vượt bậc và là trung tâm của pháp luật phong kiến Đại Việt với sự ra đời của bộ hình luật nổi tiếng “Quốc triều hình luật” hay còn được gọi là “Luật Hồng Đức”, cùng các Bộ luật khác như Hồng Đức Thiện chính thư, Quốc triều



khám tụng điều lệ và các văn bản quy phạm pháp luật hình sự khác đã điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự phong kiến Đại Việt trong giai đoạn này rất hiệu quả.

Nghiên cứu pháp luật hình sự thời kỳ này chúng ta có thể nhận thấy nó có *những đặc điểm sau*:

### **2.1.1. Về hệ thống các văn bản pháp luật hình sự**

Thời kỳ này ngoài các chiếu, sắc, dụ, lệnh..., thời kỳ này nhà Lê đã xây dựng những Bộ luật nổi bật như: Quốc triều hình luật, Hồng Đức Thiệu chính thư, Quốc triều khám tụng điều lệ. Đây là những bộ luật nổi bật nhất và được coi là tiêu biểu nhất không chỉ trong pháp luật thời Hậu Lê mà còn của cả nền pháp luật phong kiến Việt Nam, đặc biệt là bộ Quốc triều Hình luật đến nay vẫn được các nhà nghiên cứu lập pháp tìm hiểu, đánh giá và vận dụng những giá trị pháp lý truyền thống của Việt Nam mà bộ luật ghi nhận. Do vậy, khi nghiên cứu pháp luật hình sự giai đoạn này, chúng ta nên tìm hiểu *một số vấn đề về Bộ Quốc triều hình luật 1483, như*:

#### **1) Sự ra đời của bộ luật.**

Quốc triều hình luật là bộ luật xưa nhất của Việt Nam còn lưu giữ được đầy đủ cho tới ngày nay. Văn bản của bộ luật này là một trong những thư tịch cổ nhất hiện còn được đầy đủ và hiện được lưu trữ tại Viện Hán - Nôm (Hà Nội). Tại đây có hai bản in ván khắc đều có tên là Quốc Triều Hình Luật. Ngoài ra còn có một bộ sách chép tay tuy mang tên Lê Triều hình luật nhưng nội dung của nó chính là bản sao của Quốc Triều Hình Luật và được chép vào đời sau. Nội dung của bộ luật này được Phan Huy Chú ghi chép lại trong phần Hình Luật Chí của Lịch triều Hiến chương loại chí.

Về các yếu tố liên quan đến lịch sử ra đời của bộ luật như tác giả, niên đại và ngay cả tên chính thống của bộ luật thì không những các văn bản còn lại của bộ luật mà cả những sử sách cổ cũng không cho biết chính xác và đây cũng là vấn đề mà hiện nay các học giả vẫn rất quan tâm và còn nhiều tranh cãi. Tuy nhiên, qua các

ngiên cứu gần đây cho thấy bộ Quốc triều hình luật có thể được ban hành ngay từ thời Lê Thái Tổ và đã được sửa đổi, bổ sung qua nhiều triều vua Lê sơ trong đó hoàn thiện nhất vào thời vua Lê Thánh Tông dưới niên hiệu Hồng Đức năm 1483 nên bộ luật có lúc được gọi là Bộ luật Hồng Đức 1483. Bộ luật được các triều vua thời Lê Mạt tiếp tục bổ sung và cho in khắc lại.

Từ đầu thế kỷ XX, Quốc triều hình luật đã được khảo dịch sang Pháp ngữ. Mãi đến năm 1956 mới được dịch sang chữ quốc ngữ lần đầu tiên (bản dịch của trường Luật khoa Sài Gòn do Lương Thần Cao Nãi Quang phiên âm và dịch nghĩa, Nguyễn Sĩ Giác hiệu đính, Vũ Văn Mẫu viết lời tựa, nhà in Nguyễn Văn Cua). Gần đây, Viện sử học đã tổ chức dịch lại bộ luật này ra tiếng Việt và dịch một cách chuẩn xác hơn.

## **2) Bố cục của bộ luật**

Về bố cục của bộ luật, theo bản chữ Hán ký hiệu A.341 của Viện nghiên cứu Hán Nôm và bản dịch của Viện sử học, Quốc triều hình luật có 13 chương, ghi chép trong 6 quyển, gồm 722 điều. Ngoài ra, trước khi đi vào các chương và điều thì Quốc triều hình luật (QTHL) có các đồ biểu quy định về các hạng đồ tang và tang phục, về kích thước và các hình cụ (roi, trượng, gông, dây sắt).

1. Chương Danh lệ: 49 điều quy định về những vấn đề cơ bản có tính chất chi phối nội dung các chương điều khác (quy định về thập ác, ngũ hình, bát nghị, chuộc tội bằng tiền v.v)

2. Chương Vệ cấm: 47 điều quy định về việc bảo vệ cung cấm, kinh thành và các tội về cấm vệ.

3. Chương Vi chế: 144 điều quy định về hình phạt cho các hành vi sai trái của quan lại, các tội về chức vụ.

4. Chương Quân chính: 43 điều quy định về sự trừng phạt các hành vi sai trái của tướng sĩ, các tội quân sự.

5. Chương Hộ hôn: 58 điều quy định về hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân - gia đình và các tội phạm trong các lĩnh vực này.

6. Chương Điền sản: 59 điều, trong đó 32 điều ban đầu và 27 điều bổ sung sau (14 điều về điền sản mới tăng thêm, 4 điều về luật hương hỏa, 9 điều về châm chước bổ sung luật hương hỏa) quy định về ruộng đất, thừa kế, hương hỏa và các tội phạm trong lĩnh vực này.

7. Chương Thông gian : 10 điều quy định về các tội phạm tình dục.

8. Chương Đạo tặc : 54 điều quy định về các tội trộm cướp, giết người và một số tội chính trị như phản nước hại vua.

9. Chương Đấu tụng: 50 điều quy định về các nhóm tội đánh nhau (ẩu đả) và các tội vu cáo, lăng mạ v.v...

10. Chương Trá ngục: 38 điều quy định các tội giả mạo, lừa dối.

11. Chương Tạp luật: 92 điều quy định về các tội không thuộc các nhóm tội danh thuộc các chương khác

12. Chương Bộ vong: 13 điều quy định về việc bắt tội phạm chạy trốn và các tội thuộc lĩnh vực này.

13. Chương Đoán ngục: 65 điều quy định về việc xử án, giam giữ can phạm và các tội phạm trong lĩnh vực này.

Hai chương cuối này có một số quy định về tố tụng, nhưng chưa hoàn chỉnh.

Nghiên cứu Bộ QTHL chúng ta có thể rút ra những nhận định về **bản chất pháp lý hình sự chung của Bộ luật** (Theo PGS.TSKH Lê Văn Cẩm, trong *Giáo trình luật hình sự Việt Nam* ) :

- Là một bộ luật hình sự : mặc dù QTHL là một bộ luật tổng hợp (chứa đựng các quy phạm luật hình sự, dân sự, hôn nhân-gia đình, luật hành chính, tố tụng..) nhưng về cơ bản QTHL là một bộ luật hình sự, vì các chế tài pháp lý được quy định tại hầu hết các điều khoản của Bộ luật này là chế tài pháp lý hình sự và ngay từ tên

gọi của Bộ luật cũng đã phần nào nói lên bản chất pháp lý này của nó “ Quốc triều hình luật”, “ Bộ hình luật triều Lê”.

- *Chịu ảnh hưởng của quan điểm pháp trị Trung Hoa phong kiến, mà cụ thể ở đây là chịu ảnh hưởng luật pháp nhà Đường, nhà Minh. Rất nhiều quy định trong QTHL là sự tiếp thu pháp luật Trung Hoa như quan điểm về sự trừng trị khắc nghiệt, về thập ác, ngũ hình... Tuy nhiên, QTHL lại có những điểm khác biệt mang tính mới tiến bộ hơn so với pháp luật Nhà Đường, Nhà Minh như về quyền lợi của người phụ nữ được pháp luật quy định rất cụ thể và có những điểm rất nhân đạo và tiến bộ mà cho đến nay vẫn được các nhà lập pháp hiện đại vận dụng, chẳng hạn việc không áp dụng hình phạt đánh trượng với phụ nữ, phụ nữ được coi là một trong những người được áp dụng chế định miễn giảm trách nhiệm hình sự ngoài người già, trẻ em và người tàn tật.*

- *Ghi nhận những quy định tiến bộ và thể hiện những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam. Bên cạnh những quy định mang tính khắc nghiệt nhằm bảo vệ vương quyền thì QTHL cũng đã ghi nhận những quy định mà đối với thời đại lúc đó là tương đối tiến bộ và ở chừng mực nào đó đã thể hiện được những giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc Việt nam như tính nhân đạo, tính công minh mà cho đến nay vẫn được các nhà làm luật đương đại chú ý và vận dụng.*

Về nội dung, đặc điểm cụ thể của Bộ luật sẽ được tác giả trình bày trong phần các đặc điểm của pháp luật hình sự trong giai đoạn này, bởi hầu hết các đặc điểm pháp luật hình sự dưới triều đại Hậu Lê đều được thể hiện trong Bộ QTHL.

Nghiên cứu các văn bản pháp luật ban hành dưới triều Hậu Lê chúng ta có thể nhận thấy những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự trong giai đoạn này

## **2.1.2. Những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự dưới triều Hậu Lê**

### **2.1.2.1. Vấn đề hiệu lực của đạo luật hình sự**

Bộ luật Quốc triều hình luật quy định tương đối đầy đủ các vấn đề về hiệu lực của đạo luật hình sự như các vấn đề về ân xá, về giảm nhẹ hình phạt đối với người già, trẻ em, phụ nữ và người tàn tật; không thừa nhận hiệu lực bắt buộc của một số án lệ đối với các vụ án tương tự được xét xử sau đó.

### **2.1.2.2. Những nguyên tắc hình sự chủ đạo**

Các Bộ luật thời phong kiến đều không có chế định riêng ghi nhận về các nguyên tắc pháp lý nói chung và hình sự nói riêng, nhưng nghiên cứu các quy định trong các Bộ luật thời kỳ này thể hiện một số nguyên tắc hình sự chủ yếu sau:

#### **1) Nguyên tắc vô luật bất hình**

Nguyên tắc này được ghi nhận tại các Điều 642, 683, 685, 708, 722 của Bộ Quốc triều hình luật như : trong bản án khi luận tội quan xử án phải dẫn đúng điều luật nói về tội phạm đó, không được thêm bớt (điều 683); hình quan khi định tội danh phải chiếu chính điều trong luật, không được tự ý thêm bớt hoặc viện dẫn điều khác (Điều 722); Hoặc trong Quốc triều khám tụng điều lệ cũng quy định trong bản án phải dẫn đầy đủ điều luật áp dụng, các quan không được khép tội can phạm theo ý riêng... Thông qua các quy định này thể hiện nội dung của nguyên tắc này như sau : chỉ bị khép vào loại tội khi trong Bộ luật có quy định tội danh đó, không được thêm bớt vào các tội danh khác ; chỉ bị áp dụng mức hình phạt mà bộ luật đã quy định cho hành vi phạm tội đó. Có thể nói đây là manh nha của một nguyên tắc hình sự hiện đại “*Nullum crimen, nulla poena sine lege*” (không có tội phạm, không có hình phạt nếu điều đó không được luật quy định).

#### **2) Nguyên tắc chiếu cố**

Nguyên tắc này được ghi nhận tại các điều - 1, 3, 4, 5, 8, 10, 16, 17, 680 QTHL. Theo đó, nguyên tắc này có nội dung :

a) Thứ nhất là chiếu cố theo địa vị xã hội : Bộ QTHL quy định về chế định bát nghị (tám hạng người được nghị xét giảm tội), Điều 3 của Bộ luật liệt kê tám hạng người này, gồm:

• Nghị thân, là họ tôn thất từ hàng đản miếu (họ hàng nhà vua trong 5 thế hệ) trở lên, họ hoàng thái hậu từ hàng phải để tang ty ma, họ hoàng thái hậu từ tiểu công ;

- Nghị cố ;
- Nghị hiền, là những người có đức hạnh ;
- Nghị năng, là những người có tài năng lớn ;
- Nghị công, là những người có công huân lớn ;
- Nghị quý, là những quan viên có chức sự từ tam phẩm trở lên, những quan viên tản chức có tước từ nhị phẩm trở lên ;
- Nghị cần, là những người cần cù chăm chỉ ;
- Nghị tân, là con cháu các triều vua trước được triều đại đang cầm quyền đãi làm khách.

Tại Điều 4 của Bộ luật ghi nhận đặc quyền cụ thể khi quyết định hình phạt đối với các trường hợp này, trừ trường hợp phạm tội thập ác.

b) Thứ hai, chiếu cố theo tuổi tác và đối với người tàn tật, phụ nữ . Cụ thể:

• Chiếu cố theo tuổi tác, Điều 16 Bộ QTHL quy định những người từ 90 tuổi trở lên, 7 tuổi trở xuống dù bị tội chết cũng không hành hình, nếu có kẻ nào xui xiểm thì bắt tội kẻ đó; từ 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hoặc bị ác tật nếu phạm tội ác nghịch, giết người đáng tội chết thì cũng phải tâu để vua quyết định, nếu ăn trộm và đánh người bị thương thì cho chuộc bằng tiền, còn ngoài ra thì không bắt

tội; từ 70 tuổi trở lên, từ 15 tuổi trở xuống hoặc người bị tàn phế, phạm từ tội lưu trở xuống đều cho chuộc bằng tiền trừ khi phạm tội thập ác.

Ngoài ra Điều 17 quy định, người già cả hoặc tàn tật trước đây phạm tội đến khi già cả tàn tật mới bị phát giác, hoặc khi còn bé phạm tội đến khi lớn mới bị phát giác thì đều được xử theo luật già cả, tàn tật, trẻ nhỏ.

- Chiếu cố đối với phụ nữ, trong lượng hình hoặc thi hành hình phạt đối nữ phạm nhân có một số ưu đãi. Theo quy định tại Điều 1- QTHL, hình phạt trọng không áp dụng đối với nữ phạm nhân, thay vào đó là áp dụng hình phạt roi; hoặc nữ phạm nhân phải chịu tội tử, tội xuy mà đang có thai thì phải đủ 100 ngày sau khi sinh con mới bị đem ra hành hình hoặc đánh roi (Điều 680).

### **3) Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền.**

Nguyên tắc này được quy định tại các Điều 6, 16, 21, 22, 24 - QTHL được thể hiện ở việc một số loại người được chuộc tội, một số loại tội được chuộc bằng tiền, hoặc ở hình thức vô ý phạm tội. Mức độ tiền chuộc của các tội được quy định như sau:

- Tội trọng, mỗi trọng, quan tam phẩm thì phải chuộc 5 tiền, tứ phẩm 4 tiền, ngũ và lục phẩm 3 tiền, thất và bát phẩm 2 tiền, cửu phẩm và thứ dân 1 tiền.

- Tội biếm, mỗi hạng, quan nhất phẩm phải chuộc 100 quan, nhị phẩm 75 quan, tam phẩm 50 quan, tứ phẩm 39 quan, ngũ phẩm 25 quan, lục và thất phẩm 20 quan, bát và cửu phẩm 15 quan, dân đình và nô tỳ 10 quan.

- Tội đồ, khao đình, tang thất phụ mà trước đó đã đồ làm nô tỳ thì tiền chuộc là 30 quan, tượng phùng bình 60 quan, chủng điền bình 100 quan.

- Tội lưu, bị đày đi châu gần chuộc 130 quan, châu ngoài 200 quan, châu xa 230 quan.

- Tội tử 330 quan.

- Tội bị thích chữ vào mặt hoặc cổ, mỗi chữ, tam phẩm chuộc 2 quan, tứ phẩm 1 quan 5 tiền, ngũ phẩm 1 quan, lục phẩm 7 tiền, thất phẩm 6 tiền, bát cửu phẩm và thứ dân 5 tiền.

Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền không áp dụng khi phạm tội thập ác, ngoài ra theo quy định của Bộ luật thì đánh roi cũng không được chuộc.

#### **4) Nguyên tắc về trách nhiệm hình sự**

Nguyên tắc này được quy định tại các điều 16, 35, 38, 411, 412, trong đó đề cập đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự và về việc chịu trách nhiệm hình sự thay cho người khác, trách nhiệm hình sự tập thể, liên đới. Cụ thể:

*a) Về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự* : theo quy định tại Điều 16, người từ đủ 8 tuổi đến dưới 90 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi vi phạm của mình tuy có sự phân biệt về mức độ và phạm vi khác nhau.

*b) Trách nhiệm hình sự liên đới, tập thể, thay thế* : được quy định trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, huyết thống, đồng cư, đây là một điểm đặc trưng của pháp luật phong kiến Phương Đông. Theo đó, khi phạm vào một số loại tội, người thân thích trong gia đình phải chịu tội thay cho kẻ phạm tội như : nếu tất cả người trong nhà phạm tội thì chỉ bắt người tôn trưởng ( Điều 35 -QTHL), con cháu phải thay thế ông bà, cha mẹ chịu tội đánh roi, đánh trượng và được giảm một bậc( Điều 38 - QTHL); hoặc tại điều 411, 412 -QTHL quy định, những kẻ phạm tội mưu phản, mưu đại nghịch thì không những kẻ phạm tội bị chém đầu mà cả vợ con và điền sản đều bị tịch thu sung công, hay Điều 307 Hồng Đức thiện chính thư quy định: “ Ngâm giáp mưu gian, ăn cướp châu báu, định khép vào tội chết, cha mẹ, vợ con, điền sản tịch thu sung công, chiếu luật mà thi hành”.

#### **5) Nguyên tắc về miễn, giảm trách nhiệm hình sự**



Theo quy định tại một số điều của QTHL và Hồng đức thiện chính thư thì các trường hợp sau đây sẽ được tha miễn hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

a) *Trường hợp tự vệ chính đáng* : Điều 303 - Hồng đức thiện chính thư quy định: “Kẻ ban đêm xông vào nhà người, không phải định ăn trộm, là định thông gian, quyết khệp vào tội đồ. Nếu chủ nhà đánh chết, không phải tội”; hoặc theo Điều 485 - QTHL : “Ông bà, cha mẹ bị người ta đánh, con cháu đánh lại mà không bị què, gãy, bị thương, thì không phải tội, nếu bị thương, què thì phải tội kém tội đánh bị thương người thường ba bậc”.

b) *Trường hợp tình trạng khẩn cấp* : trường hợp vì việc công hay tư cần phải đi gấp mà phóng ngựa chạy trong phố phường, đường ngõ trong kinh thành thì không phải tội, nếu làm bị thương hay chết người thì xử theo tội vì lầm lỡ để xảy ra (Điều 553 - QTHL).

c) *Trường hợp tình trạng bất khả kháng, sự kiện bất ngờ* : như việc làm hư hỏng, mất mát tài sản của Nhà nước vì gặp lụt, cháy, trộm cướp sức không chống nổi thì được miễn tội (Điều 634 - QTHL).

d) *Trường hợp tự thú* : QTHL quy định : trừ phạm tội thập ác và tội giết người, nếu phạm những tội khác khi chưa bị phát giác mà tự thú trước thì được tha tội( Điều 18 - QTHL).

#### **6) Nguyên tắc thưởng người tố giác và trừng phạt kẻ che giấu tội phạm.**

Theo quy định của QTHL thì những người tố cáo việc mưu phản, mưu đại nghịch được thưởng tước từ 3 tư trở lên, tố cáo việc phạm cấm lớn thì được thưởng 2 tư, tố cáo việc mưu giết người thì được thưởng từ 100 quan trở lên... ( Điều 25); Nếu cố tình dung túng kẻ mưu làm phản, mưu làm đại nghịch thì bị xử như kẻ phạm tội (Điều 411).

#### **7) Nguyên tắc thân thuộc được che giấu tội cho nhau.**

Nhằm bảo vệ những quy tắc trong gia đình phong kiến, mà trong giai đoạn này pháp luật hình sự có những quy định cho phép những người thân thuộc trong gia đình được che chở lẫn nhau, cấm việc tố cáo “ Người thân thích phải để tang từ 9 tháng trở lên, ông bà ngoại, cháu ngoại, cháu nội, anh em chồng, anh em vợ, vợ chồng được phép che dấu tội cho nhau trừ các tội mưu phản, đại nghịch, mẹ đẻ hoặc mẹ kế giết cha, cha mẹ nuôi giết con đẻ”(Điều 39 - QTHL); con cháu tố cáo ông bà, cha mẹ, nô tỳ tố cáo chủ có tội lỗi gì, đều xử tội lưu đi châu xa...(Điều 504 - QTHL).

### **2.1.2.3. Về tội phạm**

#### **1) Khái niệm tội phạm**

Các quy định trong các Bộ luật này đều không ghi nhận định nghĩa pháp lý của khái niệm tội phạm nói chung và về từng tội phạm nói riêng mà đi ngay vào quy định những hành vi nguy hiểm nào là tội phạm, mức độ, hậu quả của việc phạm tội...

Về phân loại tội phạm, Bộ luật Hồng Đức phân loại theo hai hướng:

- Hướng thứ nhất, lấy các loại hình phạt để phân loại tội phạm như tội đồ, tội xuy, tội lưu, tội trượng, tội biếm, tội tử...

- Hướng thứ hai, phân tội phạm ra làm 2 nhóm là nhóm tội thập ác và những nhóm tội bình thường khác. Theo hướng này, tội phạm có các loại cụ thể sau:

+ Nhóm tội thập ác : quy định về Thập ác là một trong những điều luật quan trọng của pháp luật phong kiến, trong Bộ luật Hồng Đức, nhóm tội thập ác được quy định ngay tại Điều 2 của bộ luật, ngay sau Điều 1 về Ngũ hình. Điều 2 này chỉ liệt kê danh sách 10 tội được coi là thập ác, còn nội dung chi tiết của từng tội này và hình phạt của những tội phạm này thì được quy định tại những chương điều sau của Bộ luật này. Cụ thể:

#### **1. Mưu phản**

## 2. Mưu đại nghịch

Hai tội phạm này của Thập ác được quy định chi tiết tại điều 411.

3. Mưu bần, tội này được quy định cụ thể tại Điều 412.

4. Ác nghịch, được quy định chi tiết tại Điều 416 và một số điều khác.

5. Bất đạo, quy định chi tiết ở Điều 429 và 421.

6. Đại bất kính, được quy định chi tiết tại Điều 430 và 431.

7. Bất hiếu, quy định chi tiết tại rất nhiều điều trong Bộ luật như Điều 475, 504...

8. Bất mục

9. Bất nghĩa.

10. Nội loạn

Thập ác là những trọng tội nguy hiểm nhất nên người phạm tội sẽ không được hưởng nghị giảm theo chế độ bất nghị, không được chuộc tội bằng tiền, không được hưởng chế độ đặc xá hoặc đại xá...

+ Những nhóm tội phạm khác : Đây là những nhóm tội phạm được phân loại dựa trên cơ sở của nhóm quan hệ xã hội mà tội phạm xâm phạm đến, bao gồm:

- Các tội xâm phạm an toàn về thân thể của vua, xâm phạm sự an toàn, yên tĩnh, nghi lễ của cung phủ. Nhóm tội này được quy định trong chương Vệ Cấm.

- Các tội xâm phạm trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính, thể thức lễ nghi triều đình. Nhóm tội này được quy định tại các chương Vi chế, Tọa luật, Trá nguy, Hộ hôn.

- Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe của con người; xâm phạm nhân phẩm, danh dự của những người bề trên. Nhóm tội này được quy định tại các chương Đạo tặc, Đấu tụng, Tọa luật.

- Các tội xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn chế độ xã hội phong kiến.  
Nhóm tội này được quy định ở các chương Vệ cấm, Đạo tặc.

- Các tội phạm quân sự, được quy định tại chương Quân chính.

- Các tội xâm phạm chế độ sở hữu ruộng đất và sở hữu của người khác, được quy định tại các chương Điền sản, Đạo tặc, Tạp luật.

- Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân - gia đình phong kiến và các tội tình dục.  
Nhóm tội này được quy định tại chương Hộ hôn, Thông gian, Đầu tụng.

- Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp, được quy định tại các chương Bộ vong, Đoàn ngục, Tạp luật, Vi chế, Trá Ngụy.

## **2) Vấn đề lỗi**

Qua nhiều quy phạm của Bộ luật Hồng đức có thể thấy rằng nhà làm luật dưới triều Hậu Lê đã có sự phân biệt giữa hai hình thức lỗi là : cố ý và vô ý phạm tội để có cách xử lý khác nhau, quan điểm này thể hiện tại Điều 47 của Bộ luật “Những người phạm tội, tuy cùng tên gọi tội giống nhau nhưng phải phân biệt sự phạm tội vì làm lỡ hay cố ý, phải xét tội nặng nhẹ mà thêm bớt, không nên câu nệ để hợp với ý nghĩa việc xét xử hình án”.

Trên cơ sở quan điểm này, trong một số cấu thành tội phạm có quy định rõ từng hình thức lỗi như cố ý giết người hay vô ý giết người, cố ý gây thương tích hay vô ý gây thương tích, từ đó có quy định giải thích thế nào là vô ý - do việc đó xảy ra ngoài ý muốn của người phạm tội mà người này không nhìn thấy trước, không nghe thấy và không thể nghĩ đến được, do sức nặng hoặc sự nguy hiểm mà người phạm tội không thể chống lại được, do phải đánh nhau với thú dữ trong lúc đi săn.

## **3) Về đồng phạm.**

Mặc dù trong pháp luật hình sự triều Hậu Lê không có quy phạm định nghĩa chung về đồng phạm và các loại người đồng phạm nhưng qua một số quy định của luật, tính đồng phạm được thể hiện ở nguyên tắc trùng trị tội phạm và có sự phân biệt giữa chính phạm và tòng phạm khi xét xử, theo đó:

a) Nếu tội phạm do nhiều người thực hiện thì trách nhiệm hình sự của người đầu tiên(chính phạm) phải nghiêm khắc hơn cả, của những người còn lại giảm một bậc, ví dụ Điều 469 quy định: đồng mưu đánh người bị thương thì kẻ nào đánh nhiều đòn nặng là thủ phạm, kẻ chủ mưu cũng phải cùng một tội, còn người tòng phạm thì được giảm một bậc.

b) Nếu tội phạm do các thành viên trong cùng một gia đình thực hiện thì chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự người gia trưởng, trừ phạm tội thập ác (Điều 35).

c) Vấn đề che giấu tội phạm không bị coi là đồng phạm như trong pháp luật hình sự hiện đại mà luật hình sự thời kỳ này cho phép những người thân thích trong gia đình được phép che giấu tội cho nhau trong một số trường hợp, hoặc đầy tớ che giấu tội cho chủ.

#### **4) Các giai đoạn thực hiện tội phạm.**

Pháp luật hình sự triều Hậu Lê mặc dù không đưa ra định nghĩa pháp lý của vấn đề các giai đoạn thực hiện tội phạm nhưng qua nghiên cứu một số điều luật của Bộ luật Hồng Đức cho thấy:

a) Một người bị coi là tội phạm khi người đó có hành vi phạm tội trong đó có tính đến các giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt như: nuôi trùng độc để giết người( điều 424), cùng nhau thoả thuận về việc đi cướp (Điều 454)...

b) Đối với một số loại trọng tội thì pháp luật quy định việc biểu lộ ý định phạm tội là giai đoạn đầu tiên của thực hiện tội phạm và cũng bị trừng phạt, đó là đối với các tội thập ác như: mưu phản, mưu đại nghịch, mưu bần...

#### **2.2.2.4. Hệ thống hình phạt.**

Hệ thống hình phạt được quy định trong Bộ luật Hình sự bao gồm ngũ hình và các hình phạt khác:

##### **1) Ngũ hình**

Khi nói đến hệ thống hình phạt trong luật pháp phong kiến, thì điều đầu tiên là nói đến Ngũ hình. Đây là nhóm chế tài có nguồn gốc từ pháp luật Trung Hoa và đã được các nhà lập pháp Đại Việt vận dụng từ thời nhà Lý, Trần và trong Bộ luật Hình sự được quy định rất rõ ràng, cụ thể.

Nhằm đề cao tầm quan trọng và với mục đích răn đe, Ngũ hình được quy định ngay tại Điều 1 của Bộ luật, Ngũ hình gồm 5 hình phạt được sắp xếp theo thứ tự nặng dần, bao gồm:

- Xuy (đánh bằng roi) có 5 bậc : 10, 20, 30, 40, 50 roi, có thể kèm theo phạt tiền và biếm chức, áp dụng cả cho nam và nữ.

- Trượng (đánh bằng gậy) cũng có 5 bậc : 60, 70, 80, 90 và 100 trượng, chỉ áp dụng cho nam, nữ được thay bằng tội xuy. Trượng cũng là chính hình nhưng đôi khi lại là phụ hình đối với các tội biếm, đồ, lưu.

- Đồ có 3 bậc là:

- + Dịch đình và dịch phụ, trong đó:

- Dịch đình là hình phạt áp dụng cho nam và kèm đánh 80 trượng cho nam. Dịch đình có nhiều hạng là: Thuộc đình - phục dịch ở các viện (dành cho quan chức có tội) ; Quân Đình - phục dịch ở các sảnh ; Khao đình - phục dịch ở trong trại lính ; Xã đình - phục dịch ở các xã (dành cho thường dân nam có tội).

- Dịch phụ là hình phạt áp dụng cho nữ kèm đánh 50 roi, dịch phụ cũng có nhiều hạng là: Thứ phụ - phục dịch mọi công việc ở làng (dành cho thường dân nữ

có tội) ;Viên phụ - làm các công việc trong vườn (dành cho vợ các quan chức)  
;Tang thất phụ - phục dịch ở các nơi nuôi tằm, nếu phạm tội nặng

+ Tượng phùng binh (quét dọn chuồng voi kèm 80 trượng và thích 2 chữ vào mặt) cho nam và xuy thất tỳ (nấu cơm nuôi quân kèm 50 roi và thích 2 chữ vào cổ) cho nữ.

+ Bạc ba nặng nhất gồm: Chủng điền binh (làm lính lao động ở đồn điền của nhà nước kèm 80 trượng và thích vào cổ 4 chữ, phải đeo xiềng) cho nam và Thung thất tỳ (xay thóc giã gạo trong các kho thóc thuế của nhà nước kèm 50 roi và thích vào cổ 4 chữ) cho nữ.

- Lưu tức lưu đày đi nơi xa, có 3 bậc là:

+ Lưu cận châu (châu gần), đày đi làm việc nặng ở Nghệ An với hình phạt phụ là thích vào mặt 6 chữ, đánh 90 trượng, đeo xiềng dành cho nam và đánh 50 roi cho nữ.

+ Lưu ngoại châu: Lưu đày đến Bồ Chánh, Quảng Bình. Phụ hình bị đánh 90 trượng, thích 8 chữ vào mặt, đeo xiềng 2 vòng dành cho nam và đánh 50 roi cho nữ.

+ Lưu viễn châu: đày đi Cao Bằng. Phụ hình gồm 100 trượng, thích 10 chữ vào mặt, đeo xiềng 3 vòng cho nam, đánh 50 roi cho nữ.

Về thời hạn thụ hình của hình phạt lưu, trên danh nghĩa là lưu đày vĩnh viễn nhưng trong thực tế, sau một thời gian sống tại nơi lưu đày, phạm nhân có thể được ân xá, nếu có hạnh kiểm tốt và đã khai khẩn được 3 - 5 mẫu đất. Sau khi được ân xá, phạm nhân trở về quê quán như người dân tự do, hoặc ở lại nơi lưu đày và được sử dụng số ruộng đất mà mình đã khai khẩn.

- Tử (giết chết) có 3 bậc là:

+ Giảo (thắt cổ), trảm (chặt đầu)

+ Khiêu (chém bêu đầu)

+ Lãng trì (tùng xẻo)

Ngũ hình là 5 loại hình phạt chủ yếu thường được coi là hình phạt chính trong đó Đồ, Lưu và Tử luôn được coi là hình phạt chính còn Xuy và Trượng khi áp dụng thì có khi là hình phạt chính hoặc là hình phạt phụ.

## 2) Những hình phạt khác.

Ngoài Ngũ hình, khác với pháp luật Trung Hoa phong kiến, trong Quốc triều hình luật còn quy định một số hình phạt khác, bao gồm:

+ Biếm tư : điều 27 quy định biếm tư bao gồm các bậc từ 1 tư - 5 tư, Điều 46 quy định tùy từng bậc của tội biếm mà người bị biếm phải chịu đánh xuy hay trượng, nhưng có quy định cho chuộc tội biếm bằng tiền theo Điều 22.

+ Phạt tiền: Điều 26 của Bộ luật quy định những tội xử phạt tiền gồm có 3 bậc, bậc một từ 300 - 500 quan, bậc hai từ 60 - 200 quan, bậc ba từ 5 - 50 quan. Các nhà làm luật cũng có sự phân biệt giữa tiền phạt và tiền bồi thường.

+ Tịch thu tài sản, là một loại phụ hình và có hai mức độ là : tịch thu toàn bộ tài sản nếu phạm tội nặng; Tịch thu một phần tài sản thường được áp dụng đối với phần tài sản có liên quan trực tiếp đến việc phạm tội.

+ Thích chữ vào cổ hoặc mặt, đây cũng là một phụ hình khá phổ biến thường được áp dụng đối với các tội lưu, đồ, trượng, xuy.

+ Xung vợ con làm nô tỳ, thường được áp dụng đối với các tội mưu phản, mưu đại nghịch, mưu bần (Điều 411, 412).

Nghiên cứu về hệ thống hình phạt trong pháp luật hình sự giai đoạn này, một điều dễ dàng nhận thấy là các nhà làm luật quy định khá cứng nhắc, tỉ mỉ từng loại hình phạt, áp dụng cho từng loại tội phạm cụ thể, không quy định theo khung hình phạt như pháp luật hiện đại (trừ hình phạt tiền). Một điểm đáng lưu ý nữa là khác



với hình phạt trong pháp luật hiện đại chỉ áp dụng cho quan hệ pháp luật hình sự (mà ở đây là tội phạm), thì trong pháp luật phong kiến không có sự phân biệt rõ ràng điều này, rất nhiều quan hệ pháp luật không phải hình sự cũng áp dụng hệ thống hình phạt này (quan hệ hôn nhân, dân sự..). Sở dĩ như vậy là do pháp luật phong kiến không có sự phân định rõ ràng giữa các quan hệ pháp luật mà thường lấy hình luật áp dụng lên các quan hệ pháp luật khác, và điều này được thể hiện rõ khi xây dựng pháp luật.

#### **2.2.2.5. Quyết định hình phạt**

Qua việc nghiên cứu các vấn đề trên của pháp luật hình sự trong giai đoạn này chúng ta thấy việc quyết định hình phạt trong luật hình sự triều Lê có những điểm chủ yếu sau:

- Việc quyết định hình phạt dựa trên các căn cứ chung của việc tăng hoặc giảm hình phạt là phân biệt tội phạm được thực hiện do cố ý hoặc vô ý và cân nhắc các tình tiết cụ thể của vụ án.
- Căn cứ cụ thể của việc giảm hình phạt được quy định bằng các quy phạm chung (chế định bát nghị và quyết định hình phạt đối với người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ).
- Các căn cứ cụ thể của việc tăng hình phạt được quy định bằng các quy phạm riêng đối với từng trường hợp cụ thể.
- Áp dụng chế định những hình phạt trong trường hợp tự thú (trừ các tội thập ác và cố sát).
- Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm : quy định người tổ chức cầm đầu phải chịu hình phạt nặng hơn với người đồng phạm có vai trò thực hành, giúp sức.

• Trường hợp tổng hợp hình phạt đối với một người phạm nhiều tội. Điều 37 Bộ luật Hồng Đức quy định “Người nào phạm hai tội trở lên cùng phát hiện ra một lúc thì theo tội nặng mà định tội, còn tội nhẹ hơn giảm một bậc. Nếu tội phát hiện trước chưa định, mà tội sau lại phát hiện ra thì cứ theo hai tội cùng phát hiện ra mà xử án, kê tang vật mà định tội. Nếu phạm tội nhiều lần thì tính gộp tang vật lại mà định tội”.

Ngoài ra, khi đề cập đến pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong giai đoạn này, do có sự phức tạp về bộ máy chính quyền trong thời Lê Trung Hưng nên chúng ta cần lưu ý các điểm sau :

+ *Thứ nhất*, thời kỳ Nam - Bắc triều (từ 1527 - 1592), trong giai đoạn này, Đại Việt tồn tại song song hai triều đại, đó là : Triều Mạc từ Ninh Bình trở ra Bắc (Bắc triều); Triều Lê, ở phía Nam, từ Thanh Hoá trở vào (Nam triều). Do chiến tranh liên miên nên việc xây dựng pháp luật ít được chú ý. Nhà Mạc không có ý định thay đổi hệ thống pháp luật vốn đã hoàn chỉnh từ thời Lê sơ. Tương tự như vậy, triều Lê ở Nam triều cũng không có điều kiện xây dựng pháp luật mà vẫn áp dụng pháp luật của tổ tông, ngoài việc ban hành thêm một số điều về quân luật.

+ *Thứ hai*, ở nhà nước Đàng trong - Đàng ngoài, trong đó :

- Nhà nước Đàng Ngoài là Vua Lê - Chúa Trịnh thì vẫn áp dụng pháp luật của thời Lê sơ tuy có một số sửa đổi bổ sung như đối với Bộ Quốc triều hình luật như : Quy định cấm thi hành luật chuộc tội (năm 1663), quy định trừng phạt nặng đối với người chứa gá và người đánh bạc (năm 1698), trị tội đối việc tụ họp uống rượu (năm 1718); sửa đổi hình phạt chặt tay “ phạm nhân phải luận vào tội chặt hai tay và lưu đi viễn châu, nay đổi làm tội đồ cư tác chung thân, phạm nhân phải luận tội chặt một tay và lưu đi ngoại châu nay đổi thành tội đồ cư tác 12 năm, những người phạm tội trộm cướp không theo lệ này” (năm 1721); xây dựng bộ luật tố tụng hình sự lớn “ Quốc triều khám tụng điều lệ”.

- Nhà nước Đàng Trong - Chúa Nguyễn, về pháp luật nói chung hầu như không được ghi trong sử sách, có lẽ vẫn áp dụng pháp luật từ thời kỳ Lê sơ.

Ngoài ra, khi đề cập đến giai đoạn lịch sử này, mặc dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn và trong tình trạng chiến tranh liên miên nhưng chúng ta cũng phải kể đến triều đại Tây Sơn ( từ 1778 - 1802). Trong giai đoạn tồn tại của mình, về mặt pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, do tình hình đất nước lúc bấy giờ nên nhà Tây sơn vẫn áp dụng pháp luật hình sự thời kỳ Hậu Lê. Ngoài ra, theo ghi chép của sử sách thì năm 1788 vua Quang Trung đã chủ trương biên soạn một bộ luật cho triều đại mới nhưng sử sách cũng không cho biết Bộ luật này có được xây dựng và hoàn thành hay không. Sau khi Quang Trung mất, năm 1795 Vua Quang Toản đã lệnh cho Thượng Thư Bộ Hình Lê Công Miễn tham khảo Bộ luật Hồng Đức và Bộ luật nhà Thanh soạn ra bộ Hình Thư, nhưng bộ luật này do hoàn cảnh lịch sử nên chúng ta không biết về sự ra đời cũng như nội dung của nó.

## **2.2. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn từ 1802-1884**

Năm 1802, sau khi đánh bại hoàn toàn triều đại Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu Gia Long, Nhà Nguyễn thành lập, tồn tại từ năm 1802 - 1884, trải qua 7 đời vua: Gia Long (1802 - 1819), Minh Mệnh (1820 -1840), Thiệu Trị (1841 - 1847), Tự Đức (1848 - 1883), Dục Đức (làm vua ba ngày), Hiệp Hòa (6/1883 - 11/1883), Kiến Phúc (12/1883 - 8/1884).

Từ Gia Long đến vua Tự Đức (1802 - 1883), các đời vua nhà Nguyễn đều quan tâm đến hoạt động xây dựng pháp luật và áp dụng pháp luật nói chung và trong đó có pháp luật hình sự.

Năm 1811, Gia Long lệnh cho triều thần biên soạn bộ luật mới cho Triều Nguyễn, Nguyễn Văn Thành được đặc cử làm Tổng Tài chủ trì cùng với Vũ Trinh và Trần Hựu chịu trách nhiệm soạn thảo Bộ luật có tên là Hoàng Việt luật lệ, do được ban hành dưới thời vua Gia Long nên còn được gọi là Bộ luật Gia Long. Năm

1812, Gia Long viết lời tựa mở đầu Bộ luật và Bộ luật được đưa sang Trung Quốc để khắc in. Năm 1813, Bộ luật có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc. Năm 1815, Bộ luật được in thành sách và phát hành trên toàn quốc - đây là lần đầu tiên một bộ luật có hiệu lực trên phạm vi toàn lãnh thổ Đại Việt, cả trong, ngoài.

Về mặt hình thức, Bộ Hoàng Việt luật lệ (HVLL) gồm 398 điều, chia thành 22 quyển và đã bắt đầu có sự phân ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật.

Về nội dung, mở đầu Bộ luật in lời tựa của Vua Gia Long, tiếp sau là Tổng mục về luật lệ của Vua Việt Nam. Phần Danh Lệ và Bản Điều được sắp xếp như sau:

- Quyển 1, 2, 3: ghi mục lục về luật, các biểu đồ giá chuộc; ngũ hình và nguồn gốc, ý nghĩa của hình phạt này; hình cụ, tang chế; giải thích một số điểm trọng yếu của luật, cách xử lý tài sản hợp pháp. Danh lệ và Thập ác chủ yếu là những nguyên tắc chung(45 Điều).

- Quyển 4, 5 : Luật Lại, quy định về chức chế và công vụ (27 Điều).

- Quyển 6, 7, 8: Luật Hộ, quy định về hộ tịch, điền trạch, đăng bạ, của cải, thuế điền thổ, trốn thuế; điều chỉnh các quan hệ hôn nhân, thu chi, cho vay, chợ, cửa hàng (66 Điều).

- Quyển 9: Luật Lễ, quy định về lễ nghi triều đình, tế tự, lăng tẩm, nhà cửa, y phục (26 Điều).

- Quyển 10, 11: Luật Binh, quy định các vấn đề liên quan đến quân sự, bảo vệ nhà vua, cung cấm (58 Điều).

- Quyển 12 đến quyển 20: Luật Hình, quy định về các nhóm tội phạm cụ thể và thủ tục khiếu tố, kiện tụng, xét xử, giam giữ, thi hành án (166 Điều)

- Quyển 21: Luật Công, quy định về những vi phạm trong việc xây dựng các công trình công cộng (10 Điều)

- Quyển 22 : ghi mục lục Tổng loại và Tỷ dẫn điều luật, ghi nhận 30 trường hợp so sánh để áp dụng tương tự.

Như vậy, Bộ HVLL đã có sự phân ngành luật tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện pháp luật. Về mặt pháp luật hình sự (cả phần tố tụng), Bộ luật ghi nhận tại Quyển 1, 2, 3 và từ quyển 12 đến quyển 20.

Nghiên cứu phần luật hình sự của Bộ luật, chúng ta có thể rút ra *những đặc điểm của pháp luật hình sự giai đoạn này như sau:*

### **2.2.1. Về hiệu lực của Đạo luật hình sự**

Lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng của Đại Việt có một bộ luật ghi nhận về hiệu lực theo thời gian và không gian. Theo đó, Bộ HVLL có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ Đại Nam (kể cả với người ngoại quốc phạm tội trên lãnh thổ Đại Nam); về mặt thời gian bộ luật quy định xử theo luật mới, kể cả đối với những tội phạm xảy ra trước khi bộ luật được ban xuống.

### **2.2.2. Các nguyên tắc của pháp luật hình sự**

Các nguyên tắc hình sự trong Bộ HVLL chủ yếu được trình bày trong phần Danh lệ, gồm các nguyên tắc sau:

1) *Nguyên tắc pháp căn, vô luật bất hình* : đây là nguyên tắc cơ bản nhất để xác định thế nào là một hành vi phạm tội. Theo đó, khi xử án các quan phải phải có nghĩa vụ tuân theo điều luật và các điều lệ trong bộ luật, phải dẫn đủ luật lệ khi xử tội. Luật nghiêm cấm sử dụng các bản án chưa được biên vào Bộ luật làm mẫu mực để xét xử. Trường hợp nếu theo lệnh của vua thì tạm thời xử trị, nhưng không được viện dẫn để xét xử các việc khác.

2) *Nguyên tắc tỷ dẫn điều luật(so sánh luật)*: Điều 43 quy định nếu xử tội không có điều chính xác thì người ta viện dẫn ở luật khác với việc đồng hoá và so sánh. Các quy định chỉ được dẫn điều nào thích hợp trực tiếp đến tội phạm, một điều chỉ dùng để xử trong một việc, không được tự ý cắt bỏ thêm bớt. Các vụ việc áp dụng nguyên tắc này đều phải làm báo cáo lên bộ hình xét nghị tội danh và viết sớ tâu lên Hoàng Đế. Nguyên tắc này có giá trị bổ sung cho nguyên tắc pháp căn.

3) *Nguyên tắc xét xử theo luật mới* : Bộ luật quy định luật bắt đầu áp dụng từ ngày ban xuống nếu phạm tội trước đó y luật mới mà xử (Điều 42). Chỉ xử theo luật cũ theo tinh thần khoan hồng giảm nhẹ, có lợi cho người phạm tội đối với những hành vi phạm tội xảy ra trước thời điểm luật mới ban hành.

4) *Nguyên tắc chiếu cố* : Đối tượng thuộc diện chiếu cố cũng giống như trong bộ luật Hồng Đức, Bộ HVLL cũng ghi nhận các trường hợp chiếu cố thuộc Bát nghị, gồm : Nghị Tân, Nghị cố, Nghị HIền, Nghị Năng, Nghị Cần, Nghị Quý, Nghị Tân. Nhưng trong Bộ HVLL đã mở rộng phạm vi chiếu cố đến ông, bà, cha, mẹ, vợ, con, cháu của diện Bát nghị.

Sự chiếu cố của Luật Gia Long liên quan đến người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ thể hiện trong việc xác định trách nhiệm hình sự theo độ tuổi, giới tính và nguyên tắc chuộc tội bằng tiền.

5) *Nguyên tắc thưởng phạt* : Điều 31, 223, 224 quy định thưởng cho người tố giác và phạt những người che giấu tội phạm.

6) *Nguyên tắc thân thuộc được che dấu tội cho nhau* : Cũng như pháp luật dưới triều Hậu Lê, đây là nguyên tắc dựa trên cơ sở những giá trị đạo đức của xã hội phong kiến đó là những người thân thuộc được che dấu tội cho nhau, nô tỳ, đầy tớ được che dấu tội cho chủ. Không áp dụng nguyên tắc này trong trường hợp phạm tội nghiêm trọng như mưu phản, đại nghịch...

7) *Nguyên tắc luận tội theo tang vật* : Nguyên tắc này chủ yếu áp dụng đối với những tội liên quan đến tài sản như trộm cắp, hối lộ, vướng vào tang vật đưa đến tội. Được quy định tại chương Danh lệ, chia thành 2 loại:

a) Tính tang luận tội (luận tội theo tang vật): áp dụng cho các vụ trộm do nhiều người thực hiện và trường hợp ăn hối lộ do lạm dụng pháp luật. Phương thức xử lý là định giá tang vật theo lượng và tương ứng với giá trị tang vật là hình phạt.

b) Chiết bán khoa tội (luận tội theo 1/2 tang vật): áp dụng đối với tội ăn hối lộ không lạm dụng pháp luật, do vướng vào tang vật đưa đến tội hoặc một người ăn trộm của nhiều chủ. Được quy định tại các điều 233, 234, 238 và bảng chung trong chương Danh lệ. Theo đó tính tội bằng 1/2 tang vật đồng thời giảm nhẹ hình phạt theo định khung.

8) *Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền* : được quy định ở phần Danh lệ và Điều 21 của Bộ luật. Theo đó, các tội nhẹ, tội phạm vô ý, lầm lỡ, vu cáo chưa thành thì được chuộc tội bằng tiền, thóc, gạo, kim loại. Bộ luật quy định giảm nhẹ tiền chuộc cho người có ít tài sản, đàn bà, người già, trẻ em, người tàn tật...Người đang chấp hành hình phạt đồ nhưng trở nên già cả thì cho phép chuộc bằng tiền trừ phần đã thụ hình. Không cho chuộc tội bằng tiền đối với các tội thập ác, giết người, cướp của, trộm cắp, thông gian, đánh người thành thương, nhận hối lộ lạm dụng pháp luật, con cháu tố cáo ông bà cha mẹ, thiếp tố cáo thê, nô tỳ tố cáo gia trưởng (Điều 306).

### **2.2.3. Vấn đề trách nhiệm hình sự**

Theo quy định của Bộ Hoàng Việt luật lệ bất kỳ một hành vi nào xâm hại các quan hệ xã hội đã được Bộ luật bảo vệ đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu các quy phạm của bộ luật về vấn đề trách nhiệm hình sự có những vấn đề sau cần lưu ý:

*Thứ nhất*, về chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự, pháp luật quy định chủ yếu là cá nhân, ngoài ra đối với một số tội xâm phạm nghiêm trọng đến các quan hệ Vua - tôi, an ninh quốc gia, tính mạng và sở hữu cá nhân thì pháp luật quy định chế độ trách nhiệm hình sự tập thể, liên đới. Theo đó, trách nhiệm hình sự liên đới, tập thể dựa trên mối quan hệ huyết thống và quan hệ đồng cư.

*Thứ hai*, về độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, Bộ luật quy định người từ đủ 8 tuổi đến 90 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi tội phạm, ngoài ra pháp luật còn quy định người trên 90 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm tội phản nghịch.

*Thứ ba*, về các trường hợp được miễn, giảm trách nhiệm hình sự : Pháp luật hình sự triều Nguyễn cũng quy định các trường hợp được xét miễn giảm trách nhiệm hình sự như : chế định bát nghi, người phạm tội là người già, trẻ em, người tàn tật, phụ nữ; trường hợp tự thú...

#### **2.2.4. Về tội phạm**

##### **2.2.4.1. Khái niệm và phân loại tội phạm**

Trong Bộ HVLL không có định nghĩa pháp lý về tội phạm. Việc phân loại tội phạm thường theo khách thể và hình phạt, cụ thể:

1) Phân loại theo hình phạt : gọi tên tội phạm theo hình phạt - tội xuy, tội trưng, tội đồ, tội lưu, tội tử (Điều 1).

2) Phân loại theo khách thể, bao gồm:

a) Nhóm tội Thập ác : được quy định cụ thể tại Điều 2, gồm: mưu phản, mưu đại nghịch, mưu phiến, ác nghịch, bắt đạo, đại bất kính, bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, nội loạn. Bộ luật quy định chi tiết đối với từng tội trong nhóm thập ác.

b) Nhóm tội Đạo tặc : là nhóm tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, quy định từ Điều 223 đến Điều 250, được phân loại thành ba cấp:



- Cấp thứ nhất, Đạo tặc thượng gồm các tội: Mưu phản(Điều 223), phản nước theo giặc( Điều 224); ăn trộm đồ của vua, ăn cắp ấn tín của các Nha môn đều bị chặt cổ (Điều 226, 227, 228); Các tội trộm tài sản công (Điều 229, 234); Bạo trộm cướp ( Điều 235). Các tội đạo tặc thượng đều bị xử tử và áp dụng nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự liên đới, không phân biệt thủ tùng.

- Cấp thứ hai, Đạo Tặc trung : là các tội trộm cướp trong nhân gian như cướp tù, cướp giật, trộm cắp, được quy định từ Điều 236 đến Điều 240.

- Cấp thứ ba, Đạo tặc hạ : quy định tại các Điều 241 đến Điều 248, gồm các tội như thân thuộc ăn trộm của nhau, doạ nạt để lấy của, lừa dối để lấy của, đào mỏ, cùng mưu đi ăn trộm...

c) Nhóm tội về Nhân mạng (giết người): nhóm tội này được quy định tại quyển 14 gồm 20 Điều (251-270). Theo đó phạm tội cố ý giết người đều bị xử chém, vô ý giết người thì bị xử trượng, đồ hoặc lưu.

d) Nhóm tội Đấu ẩu: nhóm tội này được quy định tại quyển 15 gồm 22 Điều (271 - 292).

đ) Nhóm tội Lãng mạ, được quy định từ Điều 293 - Điều 300, là các tội xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người.

e) Nhóm tội Hối lộ: được quy định từ Điều 312 - Điều 320, là tội phạm liên quan đến việc quan lại nhận hối lộ, sách nhiễu dân.

f) Nhóm tội Trá ngục: là nhóm tội liên quan đến việc giả mạo, thường bị xử phạt đồ, lưu hoặc tử.

g) Nhóm tội Phạm gian : là nhóm tội liên quan đến luân lý đạo đức gia đình, được quy định từ Điều 332 - Điều 340 của Bộ luật.

h) Nhóm tội Tạt phạm: quy định các trường hợp tạt phạm không thuộc các nhóm tội khác, được ghi nhận từ Điều 341 - 451.

i) Các nhóm tội phạm khác như : các nhóm tội vi phạm chế độ quản lý hành chính (Điều 46 - 72); các nhóm tội vi phạm về dân sự, ruộng đất, nhà ở, cưới gả (Điều 110 - 133); các vi phạm về nghi lễ phong kiến (Điều 139 -164); các tội phạm về quân sự (Điều 165 - Điều 222); Các vi phạm về tư pháp xét xử (Điều 301 - 320, Điều 352 - 388); Các vi phạm về xây dựng (Điều 389 - 398).

#### **2.2.4.2 Vấn đề lỗi của tội phạm**

Giống như trong QTHL, Bộ HVLL cũng đề cập đến hai loại lỗi của tội phạm đó là lỗi cố ý và lỗi vô ý, theo đó trách nhiệm hình sự đối với các loại tội với lỗi cố ý bao giờ cũng nặng hơn so với tội phạm thực hiện với lỗi vô ý.

#### **2.2.4.3 Các giai đoạn thực hiện tội phạm.**

Về mặt khái niệm, trong Bộ HVLL không nêu lên định nghĩa pháp lý về các giai đoạn thực hiện tội phạm. HVLL cũng phân chia các giai đoạn phạm tội gồm : mưu đồ, tổ chức, thực hiện đã hành động, chưa hành động, đã thành, chưa thành. Cũng giống như pháp luật hình sự Triều Lê, pháp luật hình sự dưới Triều Nguyễn cũng quy định về việc phải chịu trách nhiệm hình sự ngay từ giai đoạn có ý định phạm tội đối với các tội như mưu phản, mưu đại nghịch.

#### **2.2.4.4 Về đồng phạm**

Vấn đề đồng phạm trong Bộ HVLL được các nhà làm luật Nhà Nguyễn tiếp thu trong Bộ luật Hồng Đức. Đồng phạm theo HVLL là cùng phạm tội, gồm chính phạm và tòng phạm, trong đó, chính phạm bị xử nặng hơn tòng phạm một bậc : “Phàm cùng phạm tội thì lấy người tạo ý đầu tiên làm chủ, những người tùy tùng giảm một bậc. Nếu mọi người trong một nhà cùng phạm tội thì buộc tội một mình tôn trưởng” (Điều 29).

#### **2.2.5. Hệ thống hình phạt**

Được quy định khái quát tại Điều 1 trong Danh lệ và được cụ thể hóa trong hầu hết các điều của HVLL. Cũng giống như Bộ luật Hồng Đức, HVLL cũng quy định

hệ thống hình phạt bao gồm Ngũ hình và các hình phạt khác nhưng về tính chất thì hà khắc hơn. Cụ thể:

#### **2.2.5.1. Ngũ hình**

Ngũ hình trong HVLL gồm 5 hình phạt sau:

- Xuy hình: có 5 bậc - 10 , 20, 30, 40, 50 roi.
- Trượng hình : đánh bằng gậy, có 5 bậc - 60, 70, 80, 90, 100 trượng.
- Đồ hình( tù khổ sai): có 5 bậc - 1 năm với 60 trượng ; 1,5 năm với 70 trượng ; 2 năm với 80 trượng ; 2,5 năm với 90 trượng ; 3 năm với 100 trượng. Suốt thời gian chấp hành hình phạt họ bị xiềng chân. Hình phạt này cho gửi phạm nhân về nơi họ ở để quản thúc, bắt phải làm mọi việc nặng nhọc từ 1- 3 năm thì chấm dứt.

Ngoài ra, HVLL còn quy định về nhuận đồ, đối với một số tội cho đổi từ 3 bậc lưu sang 4 năm đồ.

- Lưu hình (đi đày) : là hình phạt áp dụng cho tội phạm nặng nhưng chưa đáng phải chết. Có 3 bậc là : 2000 dặm với 100 trượng; 2500 dặm với 100 trượng; 3000 dặm với 100 trượng.

- Tử hình (giết chết) : có 2 bậc - Giảo (treo cổ), Trảm (chém). Ngoài ra HVLL còn quy định về Nhuận tử (chết hai lần) bao gồm: Lãng trì (xẻo chậm), Trảm Khiên (chém bêu đầu) và Lục Thi (chặt xác chết) - áp dụng đối với những trọng tội như phản nghịch.

#### **2.2.5.2. Các hình phạt khác ngoài ngũ hình**

- Phạt tiền: chỉ áp dụng trong một số trường hợp cá biệt
- Xâm chữ trên mặt hoặc trên cánh tay: áp dụng đối với tội trộm cắp, đánh bạc, hối lộ...
- Mang gông, xiềng: là phụ hình thường áp dụng bổ sung cho tội phạm đồ, lưu, tử (Điều 239, 240).

- Tịch thu tài sản: có thể là tịch thu toàn bộ gia sản đối với các tội mưu phản, đại nghịch (Điều 223, 224) hoặc tịch thu một phần gia sản để bồi thường thiệt hại hoặc cấp dưỡng cho người bị đánh thành thương ( Điều 286, 287). Nếu không có gia sản thì tâu lên vua định đoạt.

- Sung vợ con làm nô tỳ: đây là phụ hình áp dụng cho tội phạm đặc biệt nghiêm trọng như mưu phản, đại nghịch (Điều 223, 224).

- Giáng phẩm trật, bãi chức, thuyên chuyển công tác : đây là hình phạt bổ sung cho tội phạm là quan chức.

#### **2.2.6. Vấn đề quyết định hình phạt**

Pháp luật hình sự triều Nguyễn quy định việc quyết định hình phạt trên cơ sở tang vật của vụ án và có tính đến các trường hợp được xét giảm, miễn như bát nghị, trường hợp tự thú.

HVLL cũng có những quy định về vấn đề chuộc tội bằng tiền đối với một số loại tội có tính đến ưu tiên những người có tài sản.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

1. Trong thời gian gần 5 thế kỷ (từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX), pháp luật hình sự phong kiến Đại Việt có những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt dưới triều Hậu Lê - triều đại phong kiến tồn tại lâu dài nhất, suốt 4 thế kỷ trong lịch sử phong kiến nước ta ( từ thế kỷ XV đến XVIII ), là giai đoạn phát triển vượt bậc của Đại Việt trên tất cả các lĩnh vực Chính trị - Kinh tế - Văn hoá - Xã hội. Về mặt pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng, đây cũng là giai đoạn để lại nhiều dấu ấn nhất trong lịch sử lập pháp Đại Việt, bởi cho đến nay những thành tựu về mặt lập pháp trong giai đoạn này vẫn còn được lưu giữ và nó còn ghi nhận những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam như tinh thần nhân đạo, tính công minh... thể hiện qua các quy định của pháp luật hình sự mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị, được các nhà lập pháp đương đại chú ý và vận dụng trong giai đoạn hiện nay khi chúng ta đang thực hiện công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp.

2. Pháp luật hình sự Việt Nam phong kiến dưới triều Nguyễn có những thành tựu đáng kể, với việc ban hành Bộ Hoàng Việt Luật lệ, đã điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong xã hội trong đó các quan hệ về pháp luật hình sự là chủ yếu. Giai đoạn này, nhà làm luật đã bắt đầu có sự phân biệt giữa pháp luật hình sự và các ngành pháp luật khác, điều này thể hiện ở việc ngoài những quy định chung, Bộ HVLL còn ghi nhận những quyền riêng về hình luật (từ quyển 12 đến quyển 20). Ngoài việc nhằm bảo vệ vương quyền Nhà Nguyễn, Bộ luật cũng đã ghi nhận những quan điểm tiến bộ, bảo vệ những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật hình sự nói riêng của xã hội Việt Nam thế kỷ XIX nhiều phức tạp suốt từ Đàng Trong đến Đàng ngoài.

Trên cơ sở nghiên cứu các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử gần 10 thế kỷ, tác giả sẽ phân tích những giá trị

pháp luật truyền thống của dân tộc, từ đó đưa ra các phương hướng hoàn thiện pháp luật hình sự đương đại trong phần tiếp theo của luận văn.

### **CHƯƠNG 3**

## **VẤN ĐỀ LĨNH HỘI NHỮNG GIÁ TRỊ PHÁP LUẬT TRUYỀN THỐNG NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI**

### **3.1. Sự cần thiết của việc lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống trong hoạt động lập pháp hình sự đương đại**

#### **3.1.1. Đối với hoạt động lập pháp nói chung**

Vấn đề kế thừa, phát triển những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đã, đang và sẽ là một vấn đề được Đảng, Nhà nước ta và các nhà nghiên cứu quan tâm, triển khai thực hiện, đặc biệt trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay và thực hiện công cuộc cải cách tư pháp bởi lẽ:

*Một là*, bất kỳ một dân tộc nào cũng đều có những giá trị tinh thần truyền thống, trong đó bao gồm cả những giá trị pháp luật cần được bảo tồn và phát triển. Ở Việt Nam, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập thì vấn đề bảo tồn, kế thừa, phát triển những giá trị pháp luật truyền thống ngày càng được Đảng, Nhà nước ta chú trọng và áp dụng trong thực tiễn của đời sống xã hội. Hiện nay, vấn đề nghiên cứu, phân tích trên cơ sở đó đưa ra những kết luận để tiếp thu, kế thừa, vận dụng những giá trị tư tưởng pháp luật truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đương đại là một vấn đề được Đảng, Nhà nước ta quán triệt và đang trong quá trình triển khai thực hiện trong thực tiễn. Điều này được thể hiện rõ qua các Nghị quyết như Nghị quyết số 48 - NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng “Về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết số 08-NQ/TW năm 2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới” và Nghị quyết số 49- NQ/TW ngày 2/6/2005

của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”.

*Hai là*, các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam có trong suốt một thời kỳ lịch sử phong kiến kéo dài gần 10 thế kỷ đóng vai trò tích cực trong việc hình thành hệ tư tưởng pháp luật tiên tiến của dân tộc, phù hợp với pháp luật quốc tế, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của các thế hệ công dân Việt Nam, từ đó góp phần tích cực vào quá trình thực hiện tốt chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước. Chúng ta biết rằng, một hệ tư tưởng pháp luật ăn sâu vào đời sống dân tộc trong suốt một chiều dài lịch sử nếu như chúng ta biết chọn lọc, vận dụng những giá trị pháp luật truyền thống đó trong thực tiễn hiện nay sẽ là điều kiện để áp dụng pháp luật một cách có hiệu quả trong đời sống xã hội. Đây là một trong những yếu tố đảm bảo cho sự thành công của việc hoàn thiện pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

### **3.1.2. Đối với pháp luật hình sự**

Trong công cuộc cải cách tư pháp, thì vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự là một trong những vấn đề trọng tâm đã được Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đề cập đến trong các nhiệm vụ cải cách tư pháp là “Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự” và trong thời gian vừa qua chúng ta đã có những nghiên cứu, đánh giá về mặt khoa học luật hình sự để đưa ra những sửa đổi, bổ sung cho pháp luật thực định, đó là việc Quốc hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 1/1/2010. Trong thời gian tới, việc tiếp tục có những nghiên cứu về mặt lý luận những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam có ý nghĩa khoa học, nhận thức và thực tiễn rất quan trọng, bởi lẽ:

*Một là*, là một bộ phận của hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự không thể tách rời trong quá trình lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống của

dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự. Việc lĩnh hội các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới là một trong những nhiệm vụ hàng đầu bởi lẽ:

*Hai là*, như chúng ta đã nghiên cứu tại các phần trước của luận văn này có thể thấy, hầu hết các văn bản pháp luật thời kỳ phong kiến về bản chất đều mang tính hình sự, dù nội dung của các văn bản pháp luật có liên quan đến các vấn đề về dân sự, hôn nhân gia đình, hành chính nhưng nó hầu như chứa đựng cả các quy định về hình sự (đặc biệt là trong các Bộ luật tổng hợp). Việc nghiên cứu các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong các phần trước của luận văn đã cho thấy pháp luật hình sự trong giai đoạn đang nghiên cứu thể hiện các giá trị pháp luật truyền thống chung của dân tộc, hình thành nên hệ tư tưởng pháp lý truyền thống của dân tộc Việt Nam mà đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị của nó. Như vậy, đây chính là điều kiện để chúng ta vận dụng những tư tưởng pháp lý truyền thống vào quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại.

*Ba là*, mặc dù những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc có ý nghĩa tích cực trong quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng nhưng cho đến nay vấn đề lĩnh hội và vận dụng có chọn lọc các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc trong quá trình hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Trong thời gian vừa qua, Đảng và Nhà nước ta mặc dù đã có những chính sách, chủ trương liên quan đến vấn đề nghiên cứu, đánh giá và lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc như : 1.Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ nhất năm 1998, lần thứ hai năm 2004 và lần thứ ba năm 2008; 2. Hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật tại Thanh Hóa năm 2007; và đã có hàng loạt các công trình nghiên cứu, các bài tham luận liên quan đến vấn đề này nhưng cho đến nay việc triển khai vận dụng và lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống nhằm hoàn thiện pháp luật nói chung vẫn chưa được thực hiện nhiều. Riêng trong khoa học pháp luật hình sự



thì đây cũng đã và đang là một trong những vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và cần có những vận dụng trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới. Do vậy, việc nghiên cứu tổng thể các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam và qua đó rút ra những giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại là một vấn đề cấp bách.

### **3.2. Một số giá trị pháp luật truyền thống cần được lĩnh hội để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt nam đương đại**

#### **3.2.1. Tinh thần nhân đạo**

Việc phân tích các đặc điểm của pháp luật hình sự Việt Nam phong kiến trong các phần trước của luận văn, đặc biệt là trong giai đoạn từ thế kỷ XV -XVIII dưới triều Hậu Lê - khi mà pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng đã phát triển và hoàn thiện nhất trong suốt thời kỳ phong kiến ở nước ta với những công trình lập pháp như : Bộ luật Hồng Đức, Hồng Đức Thiện chính thư, Quốc triều khám tụng điều lệ đã thể hiện tư tưởng lập pháp được kế thừa từ các triều đại phong kiến Việt Nam trước đó đã cho thấy tinh thần nhân đạo là một trong những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đã tồn tại trong hệ thống pháp luật phong kiến Việt Nam lúc bấy giờ và nó vẫn được tiếp tục bảo tồn, duy trì, phát triển trong pháp luật hình sự Việt Nam đương đại. Chúng ta có thể thấy rõ được điều này qua những điểm sau:

*Thứ nhất*, tinh thần nhân đạo trong pháp luật hình sự phong kiến trước hết được thể hiện trong chính sách hình sự của Nhà nước phong kiến bằng việc ghi nhận trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ những người nghèo khổ, cô đơn, bệnh tật, goá bụa, tàn tật hoặc không có khả năng lao động ( *Theo TSKH.PGS. Lê Văn Cẩm trong bài Các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền*). Các quy phạm pháp luật hình sự này là

việc quy định bắt buộc đối với các quan chức địa phương mà nếu như họ không thực hiện thì sẽ bị xử phạt. Chẳng hạn trong QTHL ghi nhận:

- Trong kinh thành hay phường ngõ và làng xóm, có kẻ đau ốm mà không ai nuôi nấng, nằm ở đường xá, cầu điểm, chùa, quán thì xã quan phải dựng lều lên mà giữ gìn săn sóc và cấp cho họ cháo, thuốc men, cốt sao cứu sống họ, không được bỏ mặc họ rên rỉ quằn quại; nếu không may kẻ ấy chết thì phải trình quan trên liệu bề chôn cất, không được để hài cốt phơi bày ra đó; nếu trái điều này thì phải tội biếm hay bãi chức (Điều 294).

- Những người goá bụa, cô độc, phé tật, bần cùng không ai thân thích để nương tựa, không tự nuôi sống được mình, thì quan sở tại phải thu nuôi họ mà không thu nuôi thì phải phạt 50 roi và biếm một tư. Nếu họ được cấp cơm áo mà thuộc lại còn bớt thì xử theo luật người giữ kho ăn trộm của công.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, quan điểm nhân đạo mang tính truyền thống này của dân tộc không còn được ghi nhận. Nghiên cứu giá trị pháp luật này chúng ta nhận thấy, mặc dù trong xã hội hiện đại, trách nhiệm của nhà nước đối với các trường hợp bệnh tật, nghèo khổ quá là việc thực hiện các chính sách xã hội như thực hiện các hoạt động nhân đạo (trợ giúp) về mặt kinh tế nhưng việc ghi nhận trách nhiệm của những cá nhân là lãnh đạo những vùng có trường hợp trên là như thế nào, nếu không thực hiện tốt sẽ phải chịu trách nhiệm ra sao (mà ở đây là trách nhiệm hình sự) hiện chưa được ghi nhận trong Bộ luật hình sự Việt Nam. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Đảng và Nhà nước ta đang rất chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công tác bảo hiểm y tế miễn phí cho người già và trẻ em thì sẽ nảy sinh rất nhiều vấn đề trong công tác này như thực hiện có đúng không? giải ngân có sai phạm gì?... và điều này thường được ghi nhận bằng việc chịu trách nhiệm về mặt hành chính chứ không được ghi nhận về mặt hình sự. Trong pháp luật hình sự phong kiến, khi nền kinh tế xã hội chưa có mức phát triển như ngày nay nhưng Nhà nước phong kiến Việt Nam, mà ở đây là những

nhà cầm quyền phong kiến đã có những nhận thức tiến bộ về một “Nhà nước trách nhiệm” đối với nhân dân, đây là một trong những mục đích mà hiện nay Nhà nước ta mong muốn đạt được và điều này chỉ được thực hiện khi những cán bộ Nhà nước nhận thấy rõ trách nhiệm của mình đối với nhân dân. Vậy thì nên chăng trong thời gian tới, chúng ta nên đưa quan điểm này trong Bộ luật Hồng Đức vào trong nội dung của pháp luật hình sự Việt Nam, bởi vì chỉ khi đưa nội dung này vào trong Bộ luật hình sự thì mới thấy được tầm quan trọng của nó, và phần nào nâng cao được ý thức trách nhiệm của các cán bộ Nhà nước trong việc thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với các trường hợp cần được ưu đãi trong xã hội (người già cô đơn, bệnh hiểm nghèo, người nghèo...). Vấn đề này khi nghiên cứu tác giả cho rằng nên chăng trong BLHS chúng ta có thể đưa trường hợp này vào trong Chương các tội phạm về chức vụ.

*Thứ hai*, tinh thần nhân đạo trong pháp luật hình sự phong kiến thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với một số đối tượng phạm tội. Trong pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, ngay từ đầu đã có rất nhiều quy phạm pháp luật quy định về việc xử lý nhẹ hơn đối với trẻ em, người già, người tàn tật và phụ nữ hoặc đối với người phạm tội tuy chưa bị phát giác đã tự thú. Điều này đã được tác giả đề cập đến trong hai chương trước của luận văn khi nghiên cứu về các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến, chẳng hạn:

- Dưới triều nhà Lý, đời vua Lý Thái Tông quy định : cho phép người già 70 đến 80 tuổi, trẻ em từ 10 đến 15 tuổi, những người ốm yếu cho đến các thân thuộc nhà vua từ hành đại công trở lên nếu phạm tội thì cho chuộc tội bằng tiền, trừ khi phạm tội thập ác (Chiếu 11/1042).

- Trong Bộ Quốc triều Hình luật cũng kế thừa và phát triển quan điểm nhân đạo này trong chính sách hình sự, cụ thể:

+ QTHL không những quy định mức độ khoan dung cho người già, trẻ em, người tàn tật mà còn quy định mức độ khoan hồng khác nhau theo độ tuổi và mức độ tàn tật của họ(Điều 16).

Ngoài ra trong QTHL còn có một quy định rất khác đối với pháp luật hình sự hiện đại, đó là: trong việc xử lý tội phạm, QTHL còn lưu ý đến thời điểm phạm tội sao cho có lợi cho tội nhân khi áp dụng luật “ khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật mới bị phát giác thì xử theo luật già cả tàn tật, khi còn bé nhỏ phạm tội đến khi lớn mới phát giác thì xử tội theo luật lúc còn nhỏ” (Điều 17).

- Trong QTHL đặt ra mức hình phạt dành cho người phạm tội là phụ nữ và hình phạt đối với phụ nữ có thai cũng phản ánh tính chất nhân đạo. Điều 1 quy định trọng hình chỉ áp dụng đối với đàn ông phạm tội, quy định này được đánh giá rất cao về sự tiến bộ của nó, nếu đặt nó trong mối liên hệ với quan niệm phong kiến về địa vị thấp kém của người phụ nữ so với người chồng trong gia đình. Tính nhân đạo còn được thể hiện ở chỗ hoãn hình phạt đối với phụ nữ đang có thai và 100 ngày sau khi sinh con, Điều 680 quy định “ đàn bà phải tội tử hình trở xuống đang có thai, thì phải đẻ sinh đẻ sau 100 ngày mới đem hành hình, nếu chưa sinh mà đem hành hình thì ngục quan bị xử biếm hai tư. Dù đã sinh nhưng chưa hết hạn 100 ngày mà hành hình thì ngục quan và ngục lại bị xử biếm hay bị phạt. Nếu chưa sinh mà thi hành tội đánh roi thì ngục quan bị phạt 20 quan tiền, ngục lại bị đánh 80 trượng. Nếu do đánh roi mà đưa đến trọng thương hay chết thì xử vào tội lỡ tay giết người, làm người bị thương”.

Quan điểm nhân đạo này hiện nay vẫn được nhà nước ta ghi nhận trong Bộ luật hình sự 1999 cũng như Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, Điều 35 - Bộ luật hình sự 1999 quy định “ không áp dụng hình phạt tử hình đối với phụ nữ có thai hoặc phụ nữ đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi bị xét xử” và Điều 61- BLHS 1999 quy định “phụ nữ có thai hoặc đang

nuôi con dưới ba sáu tháng tuổi thì được hoãn chấp hành hình phạt tù cho đến khi con đủ ba mươi sáu tháng tuổi”.

- Thể hiện chính sách khoan hồng đối với người phạm tội tuy chưa bị phát giác nhưng tự thú trừ khi phạm tội thập ác hoặc giết người. Điều 18, 19 -QTHL quy định: phạm ăn trộm tài vật của người sau lại tự thú với người mất của thì cũng coi như là thú ở cửa quan.

*Thứ ba*, tinh thần nhân đạo trong pháp luật hình sự phong kiến còn được thể hiện trong việc thừa nhận nguyên tắc người thân thuộc gần được che giấu tội cho nhau, phù hợp với nguyên tắc này, pháp luật hình sự phong kiến có những quy định cấm những người thân thích trong gia đình được tố cáo nhau, gia nô không được tố cáo chủ nếu không sẽ bị trừng phạt, thậm chí nếu con cháu tố cáo ông bà, cha mẹ còn bị xử vào tội Bất hiếu (một trong 10 trọng tội). Quy định này được thừa nhận và kế thừa qua các triều đại phong kiến Việt Nam, một mặt nhằm bảo vệ trật tự gia đình trong xã hội phong kiến, một mặt nó thể hiện tính nhân đạo trong chính sách hình sự khi thấu hiểu được tình cảm gia đình sâu sắc trong việc bảo vệ cho nhau.

So sánh với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, chúng ta cũng nhận thấy, trong chính sách hình sự hiện nay chúng ta cũng phần nào kế thừa được nguyên tắc nhân đạo này, đây là một giá trị pháp luật nhân văn truyền thống được lưu truyền qua các thế hệ người Việt, phù hợp với đời sống tình cảm của dân tộc. Đó là, trong Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, Điều 314 về “Tội không tố giác tội phạm” đã quy định nếu ai biết rõ một trong các tội (đã được liệt kê tại Điều 313) đang được chuẩn bị thực hiện, đang hoặc đã được thực hiện mà không tố giác thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm. Trừ trường hợp người không tố giác là ông bà, cha, mẹ, con, cháu, anh chị em ruột, vợ hoặc chồng của người phạm tội thì không phải tố giác trừ khi không tố giác các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội khác là tội đặc biệt nghiêm trọng (khoản 2 Điều 314 - BLHS). Tuy nhiên pháp luật hình sự hiện hành chỉ quy định trường hợp không tố giác tội phạm

còn trường hợp “những người thân thích được che giấu tội cho nhau” lại không quy định. Có thể nói, pháp luật hình sự Việt Nam đương đại loại trừ trường hợp những người thân thích che giấu tội cho nhau để đảm bảo cho quá trình phát hiện và xử lý tội phạm một cách nhanh chóng và không gặp khó khăn, nhưng thực tế và truyền thống nhân văn sâu sắc của dân tộc Việt Nam đã cho thấy rằng, việc những người thân thích gần trong gia đình người phạm tội là vấn đề rất hay xảy ra trong đời sống xã hội. Do vậy, mặc dù không quy định trường hợp này nhưng thực tế vẫn xảy ra và nếu đưa việc này vào xử lý như quy định tại Điều 314 - BLHS 1999 thì rất nhiều và phức tạp. Do vậy, nên chăng chúng ta cũng kế thừa quan điểm truyền thống mà trong pháp luật hình sự phong kiến nước ta đã từng quy định về trường hợp này.

*Thứ tư*, tinh thần nhân đạo được thể hiện trong việc ghi nhận nguyên tắc chuộc tội bằng tiền đối với một số đối tượng và một số tội. Theo QTHL, người già từ 70 tuổi trở lên, trẻ từ 15 tuổi trở xuống, người tàn phế có thể chuộc tội bằng tiền. Người già từ 80 tuổi trở lên, trẻ từ 10 tuổi trở xuống, người bị ác tật mà ăn trộm đánh người bị thương thì được chuộc tội bằng tiền. Nhóm tội này mà phạm tội phản nghịch, giết người thì nhà vua sẽ quyết định hình phạt. Riêng nhóm tuổi từ 90 tuổi trở lên và từ 7 tuổi trở xuống đều có phạm tội bị tội chết cũng được miễn án tử hình. Quan lại khi phạm tội lưu trở xuống cũng được chuộc tội bằng tiền, mức độ tiền chuộc được xác định tùy thuộc vào phẩm chất của người phạm tội, chẳng hạn, để tránh bị thối chữ vào mặt hoặc cổ, các quan có thể chuộc tiền mỗi chữ như sau: tam phẩm chuộc 2 quan, tứ phẩm chuộc 1 quan 2 tiền, ngũ phẩm chuộc 1 quan...

Pháp luật hình sự hiện hành không quy định việc chuộc tội bằng tiền, tuy nhiên người phạm tội dùng tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả chính là một tình tiết để góp phần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho họ. Điều 93, Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cho phép bị can, bị cáo được đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để thay thế cho biện pháp tạm giam. Tùy tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình trạng tài sản của bị can, bị cáo cơ quan điều tra, Viện

kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ đặt tiền hoặc tài sản có giá trị nhằm đảm bảo cho sự có mặt theo giấy triệu tập. Số tiền hoặc tài sản này sẽ được hoàn trả nếu họ chấp hành các nghĩa vụ đã cam đoan. Quy định này thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với người phạm tội, kế thừa truyền thống nhân đạo trong chính sách hình sự của dân tộc ta từ nghìn năm trước.

Nhìn lại nguyên tắc này trong pháp luật hình sự phong kiến chúng ta nhận thấy một điểm rất tiến bộ mà trong pháp luật hiện đại chưa kế thừa lĩnh hội được, đó là việc quy định mức tiền chuộc tội sẽ tăng dần theo địa vị xã hội. đây là quy định mà pháp luật nói chung và pháp luật hình sự đương đại nói riêng cần phải ghi nhận, đặc biệt là trong công cuộc phòng chống tham nhũng, lợi dụng chức quyền hiện nay. Nên chăng chúng ta cần quy định đối với những cán bộ, viên chức nhà nước phạm tội cần quy định xử lý nặng hơn, kể cả không rơi vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội”, bởi họ chính là những người nắm rõ về pháp luật nhất, cần phải là những người đi đầu trong việc thực thi pháp luật nên khi phạm tội cần phải xử lý nặng hơn những người dân bình thường.

*Thứ năm*, tinh thần nhân đạo còn được thể hiện trong việc ghi nhận những quy định về việc bảo vệ thường dân tránh khỏi sự tùy tiện và bạo lực của những người có quyền lực, địa vị, tiền của trong xã hội (*Theo TSKH.PGS.Lê Văn Cẩm trong bài Các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền*). Chẳng hạn, QTHL quy định “những đầy tớ nhà giàu cậy quyền thế chiếm đất ruộng hoặc cưỡng ép lấy con gái nhà thường dân đều phải tội đồ, chủ nhà dung túng thì phải tội biếm (Điều 336), nếu con nhà quyền thế mà ăn hiếp lấy con gái nhà thường dân phạm thì phải tội sẽ phải tội phạt biếm hay đồ (Điều 338).

Nguyên tắc này cũng được pháp luật hình sự hiện đại kế thừa như việc ghi nhận tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội”, hoặc ghi nhận một số tội như “tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi( Điều 291 - Bộ luật hình sự 1999).

Ngoài ra, tinh thần nhân đạo của pháp luật phong kiến còn được thể hiện qua những quy định của pháp luật nhằm bảo vệ chính những người phạm tội, người làm chứng khỏi sự tùy tiện và lạm dụng của quan lại, như:

- Nghiêm cấm hình thức tra khảo với một số đối tượng và vấn đề liên quan đến người làm chứng, Điều 665 - QTHL quy định “Những người đáng được nghị xét giảm như 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống, người bị phế tật thì không được tra khảo họ, chỉ cần căn cứ vào lời khai của người làm chứng mà định tội. Nếu trái luật này thì coi như cố ý buộc tội cho người”.

- Nghiêm cấm việc đối xử với tù nhân, Điều 669 - QTHL quy định “Nếu tù nhân có bệnh ung nhọt không chờ lệnh mà tra khảo thì người ra lệnh bị xử biếm”.

Có thể nói đây là một trong những quy định mang tính nhân văn sâu sắc của pháp luật hình sự phong kiến Đại Việt. Chúng ta biết rằng, một đặc điểm nổi bật của pháp luật hình sự phong kiến là rất hà khắc, nhưng với quy định này thì có thể thấy pháp luật hình sự Đại Việt luôn thể hiện tính nhân đạo sâu sắc ngay cả đối với những người phạm tội. Và điều này vẫn cần phải được tiếp tục kế thừa trong pháp luật hiện đại.

Như vậy, việc phân tích tinh thần nhân đạo thể hiện trong pháp luật hình sự phong kiến cho phép chúng ta khẳng định rằng nhân đạo không chỉ là một nguyên tắc trong pháp luật quốc tế mà đó còn là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nói chung trong đó có pháp luật hình sự, bởi đây là giá trị pháp luật truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam được ghi nhận trong suốt một chiều dài lịch sử phong kiến kéo dài gần 10 thế kỷ. Và giá trị truyền thống này của dân tộc cần được tiếp tục bảo tồn, xây dựng và phát triển trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo Nghị quyết 49/NQ-TW đề ra năm 2005, trong đó hoàn thiện pháp luật hình sự là một vấn đề cơ bản và trọng tâm. Thời gian qua chúng ta đã tiến hành sửa đổi Bộ luật hình sự 1999 theo hướng nhân đạo với việc bỏ hình phạt tử hình đối với 8 tội (hiếp dâm; buôn lậu; lừa đảo; tàng trữ, lưu



hành, vận chuyển tiền giả, ngân phiếu giả, công trái giả; tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy; đưa hối lộ; hủy hoại vũ khí quân dụng). Trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật hình sự trên cơ sở tiến bộ và tiếp thu giá trị nhân đạo của pháp luật truyền thống dân tộc.

### **3.2.2. Sự công minh**

Việc phân tích những đặc điểm pháp luật truyền thống của hệ thống pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam cho thấy, công minh là một trong những giá trị pháp luật truyền thống cơ bản của dân tộc. Một lần nữa chúng ta có thể thấy những biểu hiện của giá trị này trong pháp luật hình sự phong kiến nước ta như sau:

*Thứ nhất*, biểu hiện thông qua nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm hình sự nếu xâm hại đến những giá trị pháp luật được nhà nước phong kiến bảo vệ, và nguyên tắc chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm vào tội được quy định trong pháp luật (nguyên tắc vô luật bất hình). Nguyên tắc này được ghi nhận ngay từ những triều đại phong kiến Đại Việt đầu tiên khi Nhà nước phong kiến bắt đầu xây dựng Bộ luật đầu tiên (nhà Lý với Bộ Hình Thư năm 1042) và nó được kế thừa, phát triển rạch ròi trong các triều đại phong kiến sau này, đặc biệt dưới triều nhà Lê, khi đây là được coi là giai đoạn phát triển rạch ròi nhất của pháp luật phong kiến Đại Việt, thì nguyên tắc này càng được chú trọng và thực hiện nghiêm minh. Biểu hiện của nó là việc pháp luật ghi nhận những hành vi nào bị coi là tội phạm và tương ứng với nó là hình phạt nào áp dụng, và điều này được quy định chi tiết trong luật.

Đây là một nguyên tắc tiến bộ mà cho đến ngày nay trong pháp luật hình sự hiện đại vẫn được thừa nhận không chỉ ở Việt Nam mà ngay trong pháp luật quốc tế. Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, tại Điều 2 đã ghi nhận “chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”.

*Thứ hai*, sự công minh biểu hiện ở việc những nhà cầm quyền (nhà làm luật) luôn luôn ghi nhận một cách rõ ràng và chi tiết những hành vi nào được coi là vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, cũng như ghi nhận chi tiết

cụ thể hình phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm tương ứng. đây là một biện pháp tránh cho các quan lại phong kiến lạm dụng chức quyền khi xét xử cũng như tránh được tình trạng tham ô trong công việc xét xử. Trong khi đó, pháp luật hiện đại chúng ta ghi nhận hình phạt theo khung, được coi như một biện pháp nâng cao tính chủ động của thẩm phán khi xét xử, nhưng đây cũng chính là điều kiện dễ gây ra sự bất công bằng nếu như trình độ của thẩm phán kém hoặc hiện tượng nhận hối lộ. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, pháp luật hiện đại đề cao tính chủ động và sáng tạo của người thực hiện pháp luật, nhưng điều này sẽ phù hợp hơn nếu như trình độ, đạo đức nghề nghiệp của những nhà thực hiện pháp luật được nâng cao, nếu không sẽ dễ để xảy ra tình trạng oan sai như trong thời gian vừa qua. Và về mặt nào đó chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, việc ghi nhận hình phạt chi tiết cụ thể trong pháp luật phong kiến cũng phần nào góp phần giảm thiểu án oan và tránh tình trạng oan sai, tham nhũng, đặc biệt được đề ra dưới thời vua Lê Thánh Tông.

*Thứ ba*, sự công minh trong pháp luật hình sự phong kiến cũng chính là biểu hiện của việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý khác nhau khi phạm cùng một tội nhưng với lỗi khác nhau (sự phân biệt lỗi cố ý hay vô ý khi xét xử và quyết định hình phạt). Một trong những tiến bộ của QTHL đó là việc xác định mức độ chịu trách nhiệm hình sự có tính đến trường hợp phạm tội do cố ý và trường hợp phạm tội do lầm lỡ, Điều 47 - QTHL quy định: những người phạm tội tuy tên gọi giống nhau nhưng phải phân biệt sự phạm tội do lầm lỡ hay cố ý, tha người lầm lỡ không kể tội nặng, bắt người cố ý không kể tội nhẹ. Từ nguyên tắc này, hình phạt quyết định đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể cũng có sự phân biệt, chẳng hạn, Điều 497 - QTHL “Trong khi đánh nhau lỡ đánh lầm phải người xung quanh bị thương hay đến chết thì xử nhẹ hơn tội đánh chết người một bậc”.

Ngoài ra, pháp luật hình sự phong kiến, như đã trình bày tại phần trước cũng đã dự liệu các trường hợp mà pháp luật hiện đại gọi là bất khả kháng, Điều 182 -

QTHL quy định: nếu đường đê vững chắc lại cố giữ gìn song vì nước lụt quá to, sức người không chống nổi mà đê vỡ thì không bị xử tội.

Có thể nói, những nguyên tắc trên trong pháp luật hình sự phong kiến thể hiện sự tiến bộ trong tư tưởng lập pháp của nhà cầm quyền phong kiến. Nó thể hiện sự công bằng, công minh trong quá trình áp dụng pháp luật, và đây là một truyền thống của dân tộc Việt Nam ta, được kế thừa từ ngàn đời, và cho đến ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục gìn giữ và phát triển vì sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, công bằng - dân chủ - văn minh. Chẳng hạn, trong Bộ luật hình sự 1999, chúng ta cũng ghi nhận định nghĩa pháp lý của “cố ý phạm tội”(Điều 9) và “Vô ý phạm tội”(điều 10), trên cơ sở đó trong phần các tội phạm ghi nhận các trường hợp cố ý phạm tội và vô ý phạm tội có những hình phạt tương ứng khác nhau.

*Thứ tư*, sự công minh còn biểu hiện ở quy định trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc hơn của những người có chức quyền so với những người bình thường. Đặc điểm quan trọng này của pháp luật hình sự phong kiến biểu hiện ở các quy định như : Đối với việc phạt tiền, thì quan có phẩm hàm cao hơn sẽ bị phạt nặng hơn những người thường dân phạm tội; hay việc quy định: các quan xử án mà dùng dằng dể việc quá kỳ hạn không xét xử thì phạt theo luật định, nếu dể quá một tháng phải tội biếm, quá ba tháng phải bị bãi chức, quá 5 tháng phải tội đồ...(Điều 671 - QTHL).

Hoặc biểu hiện của sự công minh trong pháp luật phong kiến Việt Nam chính là quan điểm của những nhà cầm quyền phong kiến đó là “công minh đối với cả người thân thuộc”. Chẳng hạn, Vua Minh Mạng dưới triều Nguyễn, để mọi người tin vào sự công minh của pháp luật, nhà vua đã ra dụ xác định tài sản là công sức đóng góp của dân nên ai làm sai đều phải bắt bồi hoàn, ai vi phạm quy chế đều bị trừng trị. Trong sách Đại Nam thực lục có ghi: “Trẫm (vua Minh Mạng) làm việc chỉ giữ công bằng, quyết không có nghị thân, nghị quý, phạm các em và con cháu

nên chớ coi khinh lẩy thân để thử pháp luật, gương sáng chẳng xa, ai nấy phải kính cẩn đó”.

Đây là một quan điểm rất tiến bộ mà ngày nay chúng ta phải kế thừa và phát triển, biểu hiện này của tính công minh như trên đã trình bày trong giá trị nhân đạo của pháp luật phong kiến, thì quan điểm này là một cách thức góp phần phòng chống nạn tham nhũng, hối lộ cũng như nâng cao ý thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong cán bộ viên chức nhà nước. Vì vậy nên chăng, pháp luật hình sự hiện đại cũng cần đưa quy định này vào trong luật thực định, chẳng hạn, coi tình tiết nếu là cán bộ viên chức phạm tội(nhân thân) là một tình tiết tăng nặng, đây cũng là một vấn đề mà theo tác giả cần được cân nhắc xem xét trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới.

Mặc dù, pháp luật phong kiến không có sự phân biệt rõ ràng về thủ tục tố tụng hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình... như pháp luật hiện đại, nhưng nhìn chung, nó vẫn mang những nét đặc thù của tố tụng hình sự, bởi đối với pháp luật phong kiến thì hình luật được coi là đặc trưng cơ bản của hệ thống pháp luật.

Tính công minh, công bằng trong pháp luật nói chung và đặc biệt là pháp luật hình sự là một trong những nguyên tắc mà chúng ta luôn hướng tới và mong muốn đạt được. Có thể nhận thấy, pháp luật hình sự Việt Nam, ngay từ thời đại phong kiến đã luôn cố gắng xây dựng một hệ thống pháp luật hình sự (kể cả luật nội dung và luật tố tụng) nhằm đạt tới sự công bằng cho tất cả mọi đối tượng trong xã hội khi đứng trước pháp luật, bởi chỉ có sự công minh, công bằng trong pháp luật mới đưa đến sự ổn định xã hội và đó chính là điều kiện để một triều đại phong kiến có thể tồn tại lâu dài. Đây là một nhận thức mà hầu hết các nhà cầm quyền phong kiến Đại Việt đều nắm rõ và thực thi ở các mức độ khác nhau và nó được biểu hiện rõ nét trong pháp luật hình sự, bởi pháp luật hình sự ảnh hưởng trực tiếp đến quyền tự do của con người nhất. Kế thừa quan điểm xây dựng pháp luật này, trong pháp luật hình sự hiện đại ngày nay chúng ta cũng đã xây dựng hệ thống pháp luật hình sự

trên nguyên tắc đảm bảo tính công bằng, công minh của pháp luật. Trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta đã và đang tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa thì việc lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc vào điều kiện mới của đất nước xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng là một trong những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng, và công minh chính là một trong những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc mà chúng ta cần phải nghiên cứu, kế thừa và phát triển trong luật hình sự hiện đại.

### **3.2.3. Bảo vệ các chuẩn mực đạo đức được thừa nhận chung của Phương Đông.**

Nghiên cứu pháp luật hình sự Việt Nam thời kỳ phong kiến chúng ta nhận thấy việc bảo vệ các chuẩn mực đạo đức của dân tộc và Á Đông là một giá trị pháp luật truyền thống cơ bản, có thể thấy những biểu hiện của giá trị này trong pháp luật hình sự cổ Việt Nam qua những điểm sau:

*Thứ nhất*, pháp luật hình sự phong kiến ghi nhận và bảo vệ những nền tảng đạo đức chung trong xã hội Phương Đông phong kiến, đó là tình cảm trong gia đình giữa ông bà, cha mẹ, con cái, vợ chồng, tình cảm thầy trò... Chúng ta biết rằng, trong xã hội Phương Đông phong kiến thì những giá trị đạo đức trong gia đình và xã hội luôn được đề cao và được ghi nhận trong pháp luật hình sự, chẳng hạn trong pháp luật phong kiến Trung Quốc (Bộ luật Nhà Đường với việc ghi nhận về Thập ác trong đó có tội bất hiếu), Nhật Bản ( ghi nhận tám tội nghiêm trọng trong Bộ luật Taikho của Nhật Bản phong kiến thế kỷ VIII). Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng lập pháp chung trên, với việc tiếp thu chọn lọc phù hợp với điều kiện xã hội Việt Nam. Việt Nam là một quốc gia chịu ảnh hưởng rất lớn của Nho giáo, đạo Khổng, nên những quan niệm về nhân, lễ, nghĩa trong gia đình là một trong những giá trị đạo đức truyền thống luôn được các nhà lập pháp phong kiến ghi nhận và bảo vệ bằng những chế định hình sự quan trọng. Trong hệ thống các loại tội danh, Bộ QTHL và Bộ luật Gia Long đều ghi nhận về Thập ác trong đó có tội ác

*ngịch* (đánh hoặc mưu giết ông bà, cha mẹ), *bất hiếu* (trái lời hoặc không để tang ông bà, cha mẹ), *bất nghĩa* (học trò giết thầy). Để đề cao lòng hiếu thảo, các Bộ luật phong kiến đều quy định và khuyến khích con cháu có thể chịu tội và những hình phạt nhẹ thay cho ông bà, cha mẹ (Điều 38-BQTHL). Đề cao lòng chung thủy, những hành vi quan hệ hôn nhân bất chính được tất cả các Bộ luật nghiêm cấm và quy định hình thức xử phạt rất nặng, Theo Điều 401- QTHL, những người đàn ông gian dâm với vợ người khác sẽ bị xử tội lưu đày hay xử tử, phụ nữ phạm tội sẽ bị lưu đày, điền sản trả lại cho chồng, có trường hợp để cho chồng đem bán hoặc bắt làm nô lệ trong nhà. Tình cảm thầy trò cũng là một tiêu chuẩn đạo đức được đánh giá và coi trọng, vì thế trong pháp luật hình sự phong kiến đều quy định xử phạt những hành vi bất nghĩa như trò đánh thầy sẽ bị xử tăng hình phạt từ một đến hai bậc (Điều 489- QTHL, Điều 10 - quyển 15 - Bộ luật Gia Long).

Trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay, mặc dù không ghi nhận trực tiếp như trong pháp luật phong kiến bằng một loại tội danh nào trong Bộ luật hình sự nhưng pháp luật hình sự Việt Nam ghi nhận bằng việc ghi nhận tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác”(điểm h, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự 1999).

*Thứ hai*, bảo vệ những giá trị đạo đức của dân tộc ở một chừng mực nhất định còn biểu hiện qua việc bằng việc ghi nhận chính sách ưu đãi người hiền tài, bằng chế độ “bất nghị” trong pháp luật hình sự. Chính sách khuyến khích người đức hành tài năng trong xã hội là một trong những chính sách truyền thống của nước ta mà đến ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục kế thừa phát huy. Trong QTHL ghi nhận một trong những đối tượng thuộc diện bất nghị đó là Nghị hiền, còn trong pháp luật hình sự hiện đại thì tình tiết nhân thân : người phạm tội là người có thành tích xuất

sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác (điểm s, khoản 1, điều 46, Bộ luật hình sự 1999) là một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Nghiên cứu giá trị bảo vệ các chuẩn mực đạo đức được thừa nhận chung của Phương Đông cho thấy đây là một giá trị pháp luật truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và nó cũng là giá trị pháp luật được thừa nhận chung ở các nước Phương Đông phong kiến. Giá trị này của pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại. Pháp luật hình sự phong kiến đặc biệt chú trọng đến các giá trị đạo đức trong gia đình, coi gia đình là cơ sở để tạo lập kỷ cương và ổn định xã hội, giá trị pháp luật truyền thống này của dân tộc cần được tiếp tục kế thừa và phát huy trong thời đại ngày nay, như phát biểu của Phó thủ tướng Trương Vĩnh Trọng trong hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật : *Bộ luật đã bảo vệ những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc như lòng hiếu thảo, sự tôn kính ông bà, cha mẹ của con cháu, sự hòa thuận chung thủy giữa vợ chồng, truyền thống tôn sư trọng đạo góp phần hỗ trợ đắc lực cho sự giáo dục đạo đức trong gia đình, trong xã hội, đã dùng pháp luật để xây dựng, củng cố những chuẩn mực và giá trị đạo đức truyền thống.* Như vậy, nên chăng trong thời gian tới, trong công tác xây dựng hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam chúng ta cần quan tâm nghiên cứu để đưa vào pháp luật vấn đề bảo vệ trực tiếp những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, (chẳng hạn, chúng ta có thể đưa trực tiếp điều luật phạm tội với cha mẹ, người nuôi nấng... là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự) điều này rất phù hợp bởi đây là điều kiện để chúng ta phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, tạo tiền đề cho việc áp dụng pháp luật hình sự dễ dàng, và phù hợp với quan điểm xây dựng nền pháp luật tiến bộ, theo kịp thời đại và đậm đà bản sắc dân tộc.

### **Kết luận chương 3**

1. Qua việc nhận định sự cần thiết của việc cần thiết tiếp tục nghiên cứu những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiến hành, đồng thời trên cơ sở của việc nghiên cứu những đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam kéo dài suốt gần mười thế kỷ, tác giả đã khái



quát những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới.

2. Bằng việc phân tích, đánh giá, so sánh những giá trị pháp luật truyền thống được thể hiện trong pháp luật hình sự phong kiến và đương đại, tác giả đã khẳng định những giá trị pháp luật truyền thống này đã và đang được kế thừa, phát huy trong việc ghi nhận bằng những quy phạm pháp luật hình sự phù hợp với điều kiện nền kinh tế xã hội hiện đại nhưng vẫn phát huy được truyền thống của dân tộc và trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục có những nghiên cứu và vận dụng những giá trị pháp luật truyền thống này của dân tộc trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam. Điều này đã góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp nói chung mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiến hành.

## PHẦN KẾT LUẬN

1. Bằng việc nghiên cứu các vấn đề về đặc điểm pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam suốt một chiều dài lịch sử từ khi thành lập Nhà nước phong kiến Việt Nam đầu tiên(Nhà Ngô năm 939) đến triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam(triều Nguyễn kết thúc năm 1884), tác giả đã đề cập đến những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến trong giai đoạn đang nghiên cứu, phân tích những đặc điểm cơ bản của pháp luật phong kiến giai đoạn này bằng việc nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự có liên quan đến từng giai đoạn.

2. Trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, tác giả đã rút ra những giá trị pháp luật mang tính truyền thống của dân tộc, đồng thời phân tích sự cần thiết của việc cần phải lĩnh hội những giá trị pháp luật này vào quá trình hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

3. So sánh những điểm mà pháp luật hình sự đương đại đã và đang lĩnh hội, những vấn đề mà trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục kế thừa, phát huy trong điều kiện hiện tại nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, góp phần vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung- là một trong những nhiệm vụ của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta trong thời gian vừa qua đã và đang tiếp tục triển khai thực hiện. Trên cơ sở phân tích và so sánh đó, tác giả cho rằng cần đưa ra một số sửa đổi đối với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, đó là:

- Ghi nhận tình tiết nhân thân “ người có chức vụ phạm tội” là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong Bộ luật hình sự năm 1999, tại điểm c, khoản 1, điều 48 chỉ ghi nhận tình tiết “lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội” là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi đó, có rất nhiều trường hợp người có

chức vụ quyền hạn phạm tội(mặc dù không lợi dụng chức vụ đó để phạm tội), và việc phạm tội đó của họ thường ảnh hưởng đến dư luận xã hội lớn hơn các đối tượng tội phạm khác. Do vậy, nhằm nâng cao ý thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng của bộ phận đối tượng này thì pháp luật hình sự trong thời gian tới cần quy định tình tiết nhân thân “là người có chức vụ quyền hạn phạm tội” là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đây cũng là một quy định tiến bộ mà pháp luật phong kiến nước ta đã ghi nhận và chúng ta nên kế thừa và phát huy.

- Ghi nhận thêm trong phần các tội phạm về tội thiếu trách nhiệm trong hoạt động nhân đạo trong phạm vi địa phương quản lý trong Chương các tội phạm về chức vụ, song song với quy định này pháp luật cần quy định trách nhiệm của người có quyền hạn trong hoạt động nhân đạo tại địa phương.

4. Với nghiên cứu này của mình, tác giả hy vọng những luận điểm được trình bày trong luận văn này sẽ góp phần về mặt lý luận tham khảo để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới, vừa mang tính tiến bộ của thời đại, vừa tiếp thu được những giá trị truyền thống pháp luật tốt đẹp của dân tộc, là một điều kiện để pháp luật được áp dụng trong thực tiễn có hiệu quả. Đồng thời, nghiên cứu này sẽ là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy cũng như học tập về luật hình sự Việt Nam nói riêng và pháp luật nói chung.

## DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Văn bản pháp luật

1. **Ban Bí thư TƯ Đảng (2003)**, *Chỉ thị số 32-CT/TƯ ngày 9/12/2003 về tăng cường lãnh đạo của Đảng trong công tác trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ nhân dân.*
2. **Bộ Chính trị Ban chấp hành TƯ Đảng (2005)**, *Nghị quyết số 48-NQ/TƯ ngày 24/05/2005 về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”.*
3. **Bộ Chính trị Ban chấp hành TƯ Đảng (2005)**, *Nghị quyết số 49-NQ/TƯ ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
4. **Bộ chính trị (2002)**, *Nghị quyết số 08-NQ/TƯ ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trong công tác tư pháp trong thời gian tới”.*
5. **Bùi Xuân Đính (2000)**, “Vua Minh Mệnh và việc áp dụng hình phạt”, *Tạp chí Luật học, số 1.*
6. **Bùi Xuân Đính (2005)**, “Nhà nước và pháp luật thời lý phong kiến Việt Nam-những suy ngẫm”, *Nxb Tư Pháp, Hà Nội.*
7. **Dương Tuyết Miên (2006)**, “Quyết định hình phạt trong Hoàng Việt luật lệ”, *Tạp chí Luật học, số 11.*
8. **Đào Trí Úc (1994)**, “Sự tiếp nhận các giá trị pháp lý phương Đông và Phương Tây đối với sự phát triển các tư tưởng pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5.*
9. **Đào Trí Úc (2000)**, “Luật hình sự Việt Nam” (quyển 1- những vấn đề chung), *Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.*

10. **Đào Trí Úc** (2004), “Chiến lược cải cách tư pháp: những vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 9.
11. *Đại Việt sử ký lục biên* (1991), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. *Đại Việt sử ký toàn thư* (1971), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
13. **Đỗ Văn Dương** (2006), “Hoàn thiện chính sách hình sự trong pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu lập pháp*, số 80.
14. **Hà Thị Mai Hiền** (2007), “Nhiệm vụ cải cách tư pháp trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 10.
15. **Hồ Sỹ Sơn** (2006), “Nội dung của nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự - các quy định và cách tiếp cận”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 7.
16. **Hồ Sỹ Sơn** (2008), “Hoàn thiện một số quy định về hình phạt và quyết định hình phạt của Bộ luật hình sự 1999 nhằm đảm bảo hơn nữa nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự”, *Tạp chí Luật học*, số 4.
17. **Hoàng Thị Kim Quế** (2007), “Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong Bộ Quốc triều hình luật và những giá trị đương đại”, *Tham luận tại Hội thảo Quốc gia về Quốc triều hình luật*, Thanh Hóa.
18. **Insun Yu** (1994), “Luật và xã hội Việt Nam thế kỷ XVII- XVIII”, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. **Lê Cẩm** (1999), “Luật hình sự Việt Nam thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIII”, *Tạp chí dân chủ và pháp luật*, số 8.
20. **Lê Cẩm** (1999), “Luật hình sự Việt Nam trước thế kỷ XV”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, số 5.
21. **Lê Cẩm** (1999), “Luật hình sự Việt Nam và sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền”(một số vấn đề hoàn thiện các quy phạm phân chung), *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 1, số 8 và số 9.

22. **Lê Cẩm**, “Các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền”, *Việt Nam học - Kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất*, Nxb Thế giới.
23. **Lê Minh Tâm** (2007), “Bộ Quốc triều hình luật - công trình mang đậm bản sắc văn hóa pháp lý và tính nhân văn của dân tộc”, *Tham luận tại Hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật, Thanh Hóa*.
24. **Lê Thị Sơn** (2006), “Đổi mới chính sách hình sự- định hướng cho việc hoàn thiện Bộ luật hình sự 1999”, *Tạp chí Luật học, số 7*.
25. **Nguyễn Đình Lộc** (2007), “Vị trí của Bộ Quốc triều hình luật trong tiến trình pháp điển hóa pháp luật Việt Nam”, *Tham luận tại Hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật, Thanh Hóa*.
26. **Nguyễn Duy Lâm** (1996), “Sổ tay thuật ngữ pháp lý”, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
27. **Nguyễn Quang Thắng** (2010), “Lược khảo Hoàng Việt luật lệ”, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
28. **Nguyễn Văn Đàm** (1999), “Từ điển Tiếng Việt”, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
29. **Nguyễn Văn Động** (2007), “Sự cần thiết phải nghiên cứu vấn đề kế thừa và phát triển những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam trong điều kiện đổi mới, phát triển bền vững và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 12*.
30. **Phạm Văn Lợi** (2007), “Một số vấn đề về chính sách xử lý tội phạm và hình phạt trong Quốc triều hình luật”, *Tham luận tại Hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật, Thanh Hóa*.
31. **Phan Đăng Thanh, Trương Thị Hòa** (1995), “Lịch sử các định chế chính trị và pháp quyền Việt Nam”, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

32. **Phan Huy Chú** (1992), “Lịch triều Hiến chương loại chí”, *Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội*.
33. **Quốc hội(1985)**, *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội*.
34. **Quốc hội(1999)**, *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội*.
35. **Quốc hội(2010)**, *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2010, Hà Nội*.
36. *Quốc triều hình luật* (1991), *Nxb Pháp lý, Hà Nội*.
37. **Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng** (1995), “Các triều đại Việt Nam”, *Nxb Thanh niên, Hà Nội*.
38. **Từ điển Luật học** (1999), *Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội, 1999*.
39. **Trương Hữu Quýnh** (2005), “Đại cương lịch sử Việt Nam tập 1”, *Nxb Giáo dục, Hà Nội*.
40. **Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Nhà nước và pháp luật, Đào Trí Úc** (1994), “Nghiên cứu về hệ thống pháp luật Việt Nam thế kỷ XV-thế kỷ XVIII”, *Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội*.
41. **TS. Lê Thị Sơn** (2004), “Quốc triều hình luật - lịch sử hình thành, nội dung và giá trị”, *Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội*.
42. **TS. Trương Quang Vinh** (2008), “Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt Luật Lệ”, *Nxb Tư Pháp, Hà Nội*.
43. **TS. Trần Quang Tiệp** (2003), “Lịch sử luật hình sự Việt Nam”, *Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội*.
44. **TSKH.PGS. Lê Cẩm** (1999), “Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền” (một số vấn đề cơ bản của phân chung), *Nxb Công an nhân dân, Hà Nội*.

45. **TSKH.PGS. Lê Cẩm** (2001), “Giáo trình luật hình sự Việt Nam” (phần chung), *Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội*.
46. **TSKH.PGS. Lê Cẩm** (2004), “Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền”, *Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội*.
47. **Võ Khánh Vinh** (1994), “Một số quy định về tội phạm trong Bộ luật Hồng Đức”, *Tạp chí Luật học, số 1*.
48. **Viện Khoa học pháp lý** (2009), “Quốc triều hình luật - những giá trị lịch sử và đương đại góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam”, *Nxb Tư pháp, Hà Nội*.
49. **Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện nghiên cứu Hán Nôm, Nguyễn Ngọc Nhuận** (2006), “Một số văn bản điển chế và pháp luật Việt Nam”, tập 1 (từ thế kỷ XV - XVIII), *Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội*.
50. **Viện Nhà nước và pháp luật, Đào Trí Úc** (1994), “Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay”, *Nxb Công an nhân dân, Hà Nội*.
51. **Viện Nhà nước và Pháp luật, Đào Trí Úc** (1994), “Một số văn bản pháp luật Việt Nam thế kỷ XV-thế kỷ XVIII”, *Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội*.
52. **Viện sử học** (2006), “Việt Nam-những sự kiện lịch sử” (từ khởi thủy đến 1858), *Nxb Giáo dục, Hà Nội*.
53. **Viện sử học Việt Nam** (1991), “Quốc triều hình luật - luật hình triều Lê”, *Nxb Pháp lý, Hà Nội*.
54. **Vũ Thị Phụng**, “Những bộ luật cổ Việt Nam và một số giá trị đối với đương đại”, *tham luận tại Việt Nam học - hội thảo quốc tế lần thứ 3*.



